

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/5/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận niêm yết số/SGDHN- QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày/...../2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông,
Quận 7, Tp.HCM
Tel: (028) 3873 3295
Fax: (028) 3873 3391
Website: www.spchcmc.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Tel: (028) 6299 2006
Fax: (028) 6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: ĐIỀU QUANG TRUNG - Chức vụ: Phó Giám đốc Tài chính

Địa chỉ: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Tel: (028) 3873 3295 Fax: (028) 3873 3391 Website: www.spchcmc.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/5/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: SPC
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng niêm yết: 10.530.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 105.300.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RÒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (028) 6299 2006
Fax: (028) 6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC – CHI NHÁNH TP.HCM

Lầu 3, tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái,
phường 1, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3945 0505
Fax: (028) 3945 1106
Website: www.aasc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: ĐIỀU QUANG TRUNG - Chức vụ: Phó Giám đốc Tài chính
Địa chỉ: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM
Tel: (028) 3873 3295 Fax: (028) 3873 3391 Website: www.spchcmc.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH. 13	13
1. Tổ chức niêm yết	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	24
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	27
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	28
6. Hoạt động kinh doanh.....	30
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	54
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	58
9. Chính sách đối với người lao động	62
10. Chính sách cổ tức.....	64
11. Tình hình hoạt động tài chính	65
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.....	85
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty).....	99
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	100
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	102
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết ..	103
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	103

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	104
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	104
2. Mã chứng khoán: SPC.....	104
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	104
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 10.530.000 cổ phiếu	104
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết:	104
6. Phương pháp tính giá:.....	105
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	107
8. Các loại thuế có liên quan.....	107
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	109
1. Tổ chức tư vấn.....	109
2. Tổ chức kiểm toán	109
VII. PHỤ LỤC	109

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, trong đó bao gồm cả ngành hoá chất. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

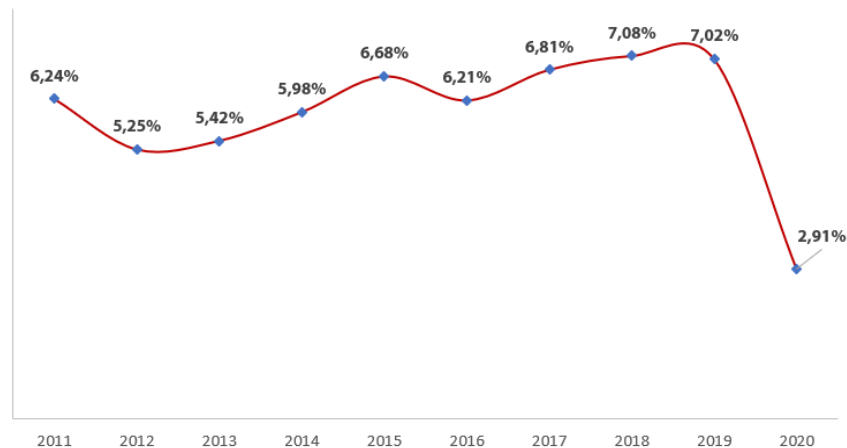
✚ Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP trong những năm qua ở mức khá cao so với các quốc gia trong khu vực.

Bước sang năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng.

Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Mi-an-ma, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Xin-ga-po (337,5 tỷ USD) và Ma-lai-xi-a (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a 1.088,8 tỷ USD; Thái Lan 509,2 tỷ USD và Phi-li-pin 367,4 tỷ USD).

Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Rồng Việt tổng hợp.

Theo Tổng cục Thống kê chính thức công bố, tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2020 ước tính tăng 2,91%, trong đó quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%, quý III tăng 2,62% và quý IV tăng 4,48%. Điều này cho thấy nền kinh tế nước ta đã đi qua điểm đáy của đồ thị phục hồi kinh tế trong quý II. Mức tăng này, theo Tổng cục Thống kê, là thấp nhất các năm trong giai đoạn 2011-2020, nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, thì đây là “một thành công lớn” của Việt Nam trong việc phòng chống dịch bệnh, khôi phục và phát triển kinh tế.

Trong tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng cao nhất với 3,98%, đóng góp 1,62 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm. Đối với khu vực dịch vụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 1,2% trong 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước, nhưng sau đó đã phục hồi rõ rệt với tốc độ tăng 6 tháng cuối năm đạt 6,2%, đưa lĩnh vực thương mại trong nước cả năm tăng 2,6%. Tốc độ tăng trưởng của một số ngành dịch vụ thị trường như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% so với năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68%, làm giảm 0,62 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng một số cây lâu năm, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu và sản lượng tôm năm 2020 tăng khá đã đưa tốc độ tăng của khu vực này đạt

2,68%, cao hơn năm 2019 (2,01%). Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,55%; ngành lâm nghiệp tăng 2,82% và ngành thủy sản tăng 3,08% (tốc độ tăng tương ứng của các ngành trong năm 2019 là 0,61%; 4,98% và 6,30%). Đặc biệt, kết quả xuất khẩu nông sản tăng mạnh trong bối cảnh khó khăn do dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu gạo lần đầu tiên đạt hơn 3 tỷ USD, tăng 9,3% so với năm 2019; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 12.323,3 tỷ USD, tăng 15,7%. Trái ngược với ngành lâm sản, bức tranh xuất khẩu thủy sản lại ảm đạm hơn khi kim ngạch xuất khẩu năm 2020 chỉ đạt 8,4 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm trước.

Nhìn chung, GDP 9 tháng năm 2021 ước tính chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài (đặc biệt trong quý 2 và quý 3 năm 2021). Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%. Sản xuất nông nghiệp 9 tháng năm 2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng và chăn nuôi đạt khá. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất – chế biến – tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình giãn cách xã hội khiến cho nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty không ổn định do chủ yếu được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài.

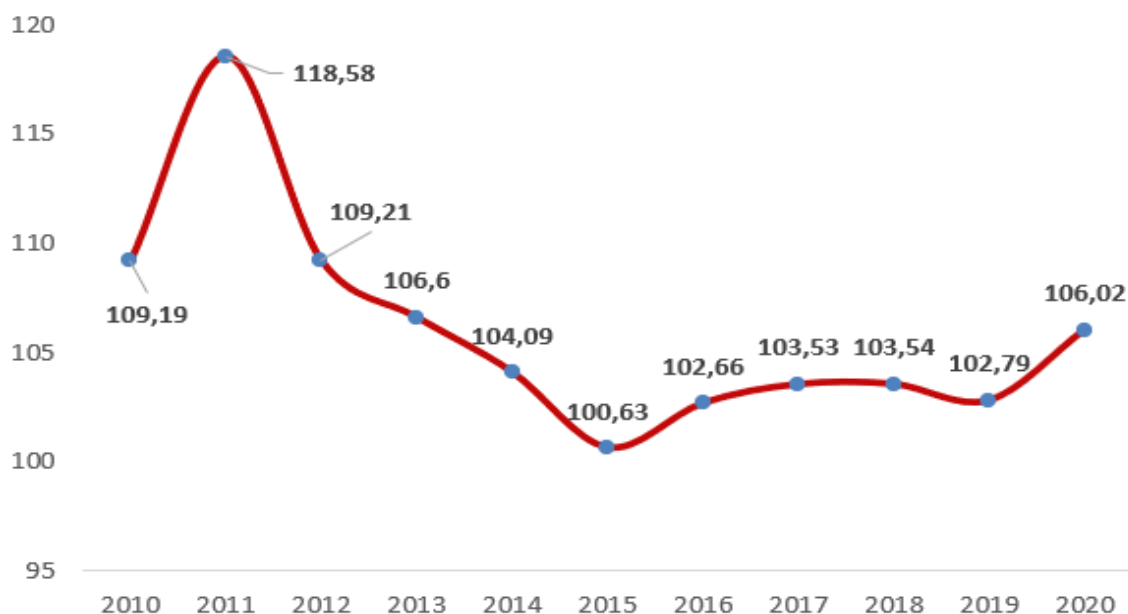
Là một Công ty hoạt động trong ngành hoá chất, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

✚ Lạm phát

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2008 – 2018, chỉ số lạm phát CPI đạt đỉnh 23,1% vào năm 2008 và có xu hướng giảm dần cho đến nay. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%; CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Rồng Việt tổng hợp.

CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%), trong đó giá gạo tăng 5,14% do giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng; (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% (làm CPI chung tăng 1,94%); (iii) Giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao; (iv) Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2020: (i) Giá các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu giảm 23,03% so với năm trước (làm CPI chung giảm 0,83%); giá dầu hỏa giảm 31,21%; giá gas trong nước giảm 0,95% do ảnh hưởng của giá nhiên liệu thế giới; (ii) Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá của nhóm du lịch trọn gói giảm 6,24% so với năm trước; giá cước vận tải của các loại

phương tiện như tàu hỏa, máy bay giảm; (iii) Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng nên giá điện tháng 5 và tháng 6 năm nay giảm lần lượt là 0,28% và 2,72% so với tháng trước; (iv) Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, bảo đảm cân đối cung cầu và ổn định thị trường.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất so với cùng kỳ trong giai đoạn 2016-2021. Tính riêng tháng 9/2021, CPI giảm 0,62% so với tháng trước.

Đối với ngành nghề hoá chất, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá nguyên liệu. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí nhân công, cung cấp dịch vụ của Công ty tăng cao. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

✚ Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Hiện nay, mặt bằng lãi suất tiền gửi bằng VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1-3,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,6-6,8%/năm.

Lãi suất điều hành, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, đã được Ngân hàng Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất, tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm nhằm sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các Tổ chức tín dụng và tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi

suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh., thể hiện qua việc lãi suất huy động ngắn hạn từ đầu năm 2018 tới nay đã giảm từ 7,5% còn 4,5%. Dự kiến trong thời gian tới, lãi suất cho vay cũng sẽ có xu hướng giảm nhằm mục đích hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp có thể hoạt động và sản xuất kinh doanh.

Không chỉ giảm lãi suất điều hành, để hỗ trợ Tổ chức tín dụng có điều kiện giảm nhanh và mạnh lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và người dân, Ngân hàng Nhà nước đã giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng; giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng với tổng mức giảm là 1,5%/năm.

Đến tháng 10/2020, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 0,6-0,8%/năm so với cuối năm 2019, trong đó có một số ngân hàng đã giảm từ 1-2,5%/năm; lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm so với đầu năm, hiện ở mức 4,5%/năm.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng quản trị rủi ro lãi suất và chủ động thực hiện các biện pháp để hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn là công ty đại chúng, đang thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế Giá trị gia tăng và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu của Công ty. Vì vậy,

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

những thay đổi của các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, bộ phận pháp chế của Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới, sau đó phổ biến và đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên để từ đó xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai các hoạt động tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu đầu vào thường chiếm khoảng 77% tổng chi phí sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty. Nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là các loại hoá chất, có giá cả thường xuyên biến động, gây tác động lớn đến giá thành sản phẩm. Ngoài ra tình hình biến động giá cả của nhiên liệu như điện, xăng, dầu,... cũng có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã chủ động dự trữ các nguyên liệu hoá chất và nắm bắt tình hình mùa vụ để ổn định giá, công tác đánh giá nhà cung ứng nhằm lựa chọn các nhà cung ứng cạnh tranh nhất trên thị trường, cùng với việc đàm phán, giữ cam kết tiêu thụ cũng như giữ giá trong thời điểm nhất định, chia sẻ rủi ro với Công ty khi có biến động giá.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Quy mô thị trường ngành thuốc BVTV có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm vừa qua, được minh chứng bởi sự gia tăng cả về số lượng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và chủng loại thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam, góp phần không nhỏ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, ổn định thị trường trong nước. Là một quốc gia sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, Việt Nam cũng đang mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng đối với các công ty sản xuất các sản phẩm nông hóa.

Hiện nay, trên thị trường Việt Nam, một số đối thủ có tỉ trọng đáng kể như CTCP Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương (BT1), CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC), CTCP Nông dược H.A.I (HAI), CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (Vipesco – VPS), CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ (CPC), CTCP Tập đoàn Lộc Trời (LTG)... là những đối trọng đáng kể cho Công ty với các rủi ro cạnh tranh trong từng phân ngành sản xuất.

Theo báo cáo từ Vietnam Business Monitor, tại thời điểm năm 2018, thị phần thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam phân chia theo doanh nghiệp thì CTCP Tập đoàn Lộc Trời đang chiếm lớn nhất với 20%; kế đến là CTCP Khử trùng Việt Nam với khoảng 7,4%; CTCP Nông dược HAI chiếm khoảng 5,5%; Lúa Vàng và Bayer cùng chiếm tỷ lệ ngang nhau khoảng 5,2%; Công ty ADC khoảng 4%; CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (Vipesco) khoảng 3,7%; khoảng gần 200 danh nghiệp còn lại chiếm lĩnh 49% thị phần. Điều đó cho thấy rằng lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường trong nước và xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chủ động trong việc kiểm soát và giảm thiểu rủi ro cạnh tranh nhờ vào việc đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng xuất khẩu (đứng vị trí thứ 1 về xuất khẩu thuốc BVTV trong năm 2018 theo báo cáo từ Vietnam Business Monitor) và đầu tư bền vững.

3.3. Rủi ro về thời tiết

Các sản phẩm của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phần lớn phục vụ nhu cầu trừ cỏ, trừ sâu, bệnh hại cho ngành nông nghiệp, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố thiên nhiên, điều kiện thời tiết, dịch bệnh. Các hiện tượng thời tiết phức tạp như El Nino, La Nina kéo theo diễn biến khó có thể dự báo trước của dịch bệnh, sâu bệnh hại gây ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, sản lượng nông nghiệp và qua đó tác động đến sức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

3.4. Rủi ro về tỷ giá

Hiện tại, Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chịu nhiều ảnh hưởng bởi tỷ giá do nhiều nguyên liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài. Tuy nhiên, song song với việc nhập khẩu nguyên vật liệu, Công ty cũng có một lượng lớn doanh thu từ các doanh nghiệp nước ngoài, nhờ đó giảm thiểu tối đa các rủi ro về tỷ giá.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Bà Lê Thị Phượng	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Dũng	- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Trần Đình Vũ	- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Điều Quang Trung	- Chức vụ: Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	- Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 06/08/2020 về việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng của Công ty).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tổ chức niêm yết, SPC	Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
Tổ chức kiểm toán	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hãng Kiểm toán AASC
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
DTT	Doanh thu thuần
GVHB	Giá vốn hàng bán
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Giấy CN ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
BVTV	Bảo vệ thực vật
UV	Ủy viên
BCH	Ban Chấp hành

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Tên tiếng Anh: **SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY**

Logo:



Ngày trở thành CTĐC: Ngày 26/08/2008

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc

Trụ sở chính: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: (028) 3873 3295

Số fax: (028) 3873 3391

Website: www.spchcmc.vn

Vốn điều lệ đăng ký: 105.300.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 105.300.000.000 đồng

Giấy CN ĐKKD số: 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/5/2015.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- + Sản xuất, đóng gói, mua bán phân bón, Thuốc thú y thủy sản, Thuốc bảo vệ thực vật;
- + Kinh doanh thuốc thú y;
- + Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không tồn trữ hóa chất);
- + Sản xuất, buôn bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng sử dụng trong y tế và gia dụng.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển**1989-2000**

- **Năm 1989:** Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn trực thuộc Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM được thành lập theo Quyết định số 369/NN/QĐ ngày 17/05/1989 của Sở NN&PTNT TP.HCM.
- **Năm 1993:** Thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB ngày 18/02/1993 của UBND TP.HCM, theo Quy định 388/CP chính phủ, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn chuyển thành Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động như một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục BVTV TP.HCM.
- **Năm 1994:** Theo Quyết định số 1177/QĐ-UB-NC ngày 22/04/1994 của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tháng 7/1994, Công ty đã mở thêm Chi nhánh tại Hà Nội.
- **Năm 1997:** Thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn là đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

2000-2010

- **Năm 2000:** Tháng 6/2000, Công ty mở thêm Chi nhánh tại Đắk Lắk. Đến tháng 8/2000, Công ty mở Chi nhánh tại Cần Thơ.
- **Năm 2004:** Theo Quyết định số 482/QĐ-UB ngày 09/02/2004 về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn thành Công ty TNHH MTV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Theo Quyết định số 3131/QĐ-UB ngày 30/06/2004 của UBND TP.HCM, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đổi tên thành Công ty TNHH Một Thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Trong thời gian này, Công ty có vốn điều lệ đăng ký và thực góp là 45.507.506.173 đồng. Tháng 4/2004, Công ty mở Chi nhánh tại Nghệ An.
- **Năm 2006:** Công ty mở Chi nhánh tại Vĩnh Long trong tháng 2/2006 và Chi nhánh tại Gia Lai trong tháng 3/2006.
- **Năm 2007:** Công ty thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên

Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn với vốn điều lệ là 81 tỷ đồng (vốn thực góp là 81 tỷ đồng), trong đó cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV) sở hữu 4.805.400 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.

- **Năm 2008:** Công ty tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu vào ngày 09/06/2008 để thành lập CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/06/2008 căn cứ theo giấy CN ĐKKD số 4103010609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 14/06/2008. Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2008, Công ty đã thành lập Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Trạm Dịch vụ Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- **Năm 2009:** Công ty mở thêm Chi nhánh tại Đồng Nai vào tháng 4/2009.
- **Năm 2010:** Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên hệ thống UPCOM từ ngày 09/09/2010 với mã chứng khoán SPC và số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.100.000 cổ phiếu (tương đương vốn điều lệ 81 tỷ đồng).
- **Năm 2014:** Công ty thành lập văn phòng đại diện tại Sơn La vào tháng 3/2014.
- **Năm 2016:** Công ty đã mở thêm ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào các công ty liên kết.
- **Năm 2017:** Sau thời gian thăm dò thị trường, Công ty chính thức thành lập chi nhánh tại Liên bang Myanmar vào tháng 7/2017. Ngoài ra, trong năm 2017, SPC đã mua thêm cổ phần của CTCP Thương mại Mộc Hóa, tăng tỷ lệ sở hữu từ 36,35% lên 61,735%. Theo đó, CTCP Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của SPC.
- **Năm 2018:** Từ tháng 12/2018, Công ty được Chi cục Bảo vệ Trồng trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.
- **Hiện nay:** Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/5/2015.

2010 - nay

Trải qua hơn 30 năm dựng xây, phát triển và không ngừng đổi mới, CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã nhanh chóng khẳng định được tên tuổi của mình, trở thành một trong những thương

hiệu hàng đầu trong lĩnh vực thuốc BVTV, phân bón, hoá chất tại Việt Nam. Trong suốt chặng đường vừa qua, tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã xây dựng nên một bề dày thành tích đáng tự hào và quan trọng hơn là đưa sản phẩm của Công ty tới khắp các thị trường trong nước và cả các thị trường ngoài nước như Campuchia, Lào, Myanmar.

Trong suốt chặng đường vừa qua, tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã xây dựng nên một bề dày thành tích đáng tự hào với danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu như sau:

- + Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 03/04/2019 về “thành tích xuất sắc trong công tác từ 2014 – 2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- + Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về “thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 – 2002, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- + Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về “Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 – 1996, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- + Giải thưởng “Bông lúa vàng – Thương hiệu vàng chất lượng năm 2008” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- + Giải thưởng “Hàng Việt Nam chất lượng cao” cho biểu trưng SPC từ năm 2005 đến nay;
- + Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 đến nay;
- + Chứng nhận ISO 14001 từ 2015 đến nay;
- + Liên tục nhận được bằng khen, cờ thi đua, cờ truyền thống của Thủ tướng chính phủ, Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh từ năm 1993 đến nay.

Với mục tiêu trở thành công ty cung cấp thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu không chỉ ở Việt Nam mà còn vươn xa ra Thế giới, trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng để cho ra đời những sản phẩm mới đa dạng với chất lượng ngày càng cao đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, góp phần phát triển cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng tập trung chinh phục những thị trường xuất khẩu mới giàu tiềm năng. Ngày 26/08/2008, Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Đến ngày 12/05/2010, Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 116/2010/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là SPC. Ngày 09/09/2010, cổ phiếu SPC chính thức được giao dịch trên hệ thống Upcom.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi chuyển đổi thành hình thức công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 1 lần tăng vốn điều lệ (vốn điều lệ hiện nay là 105,3 tỷ đồng). Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây như sau:

Thời điểm	Vốn điều lệ (tỷ đồng)			Hình thức tăng vốn
	Trước phát hành	Tăng thêm	Sau phát hành	
24/01/2011	81	24,3	105,3	Chào bán cổ phiếu ra công chúng

Nguồn: SPC.

Thông tin về lần tăng vốn: Tăng vốn từ 81 tỷ đồng lên 105,3 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước khi tăng: 81.000.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 24.300.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực tế tăng thêm: 24.300.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng)
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 105.300.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm tỷ ba trăm triệu đồng)
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 447 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 466 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện quyền 10:3)
- Giá trị vốn góp như sau:

STT	Cổ đông góp vốn	Hình thức góp vốn	Giá trị cổ phần góp vốn (đồng)
1	TCT Nông nghiệp Sài Gòn	Bằng tiền	14.416.200.000
2	Các cổ đông khác	Bằng tiền	9.883.800.000
	Tổng cộng		24.300.000.000

- Mục đích phát hành: Số tiền thu được từ đợt phát hành được Công ty sử dụng để bổ sung vốn đầu tư 2 dự án như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Tổng vốn đầu tư (đồng)	Kế hoạch phân bổ vốn của đợt phát hành (đồng)
1	Dự án XD XN Hiệp Phước – GD 2	64.300.000.000	19.740.000.000
2	Siêu thị Nông nghiệp Kiên Giang	13.736.000.000	4.560.000.000
		78.036.000.000	24.300.000.000

- Thời gian hoàn thành đợt phát hành: Ngày 24/01/2011 (Theo Báo cáo kết quả phát hành số 10/BC/BVTVSG/HĐQT/2011 ngày 24/01/2011).

Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 78/NQ-ĐHĐCĐ/BVTVSG/2010 ngày 10/07/2010 thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 698/UBCK-GCN ngày 05/10/2010 của UBCKNN;
- Quyết định số 10/QĐ-UBCK ngày 05/01/2011 của UBCKNN chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu số 10/BC/BVTVSG/HĐQT/2011 ngày 24/01/2011;
- Giấy CN ĐKDN số 0300632232 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 20/08/2012.

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Trong năm 2011, Công ty đã hoàn tất giải ngân toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để đầu tư 2 dự án Xí nghiệp Hiệp Phước – Giai đoạn 2 và Siêu thị Nông nghiệp Kiên Giang.

1.4. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

- Tại thời điểm ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng ngày 26/08/2008:
 - + Vốn điều lệ: 81.000.000.000 đồng;
 - + Tổng số cổ đông: 511, cụ thể như sau:

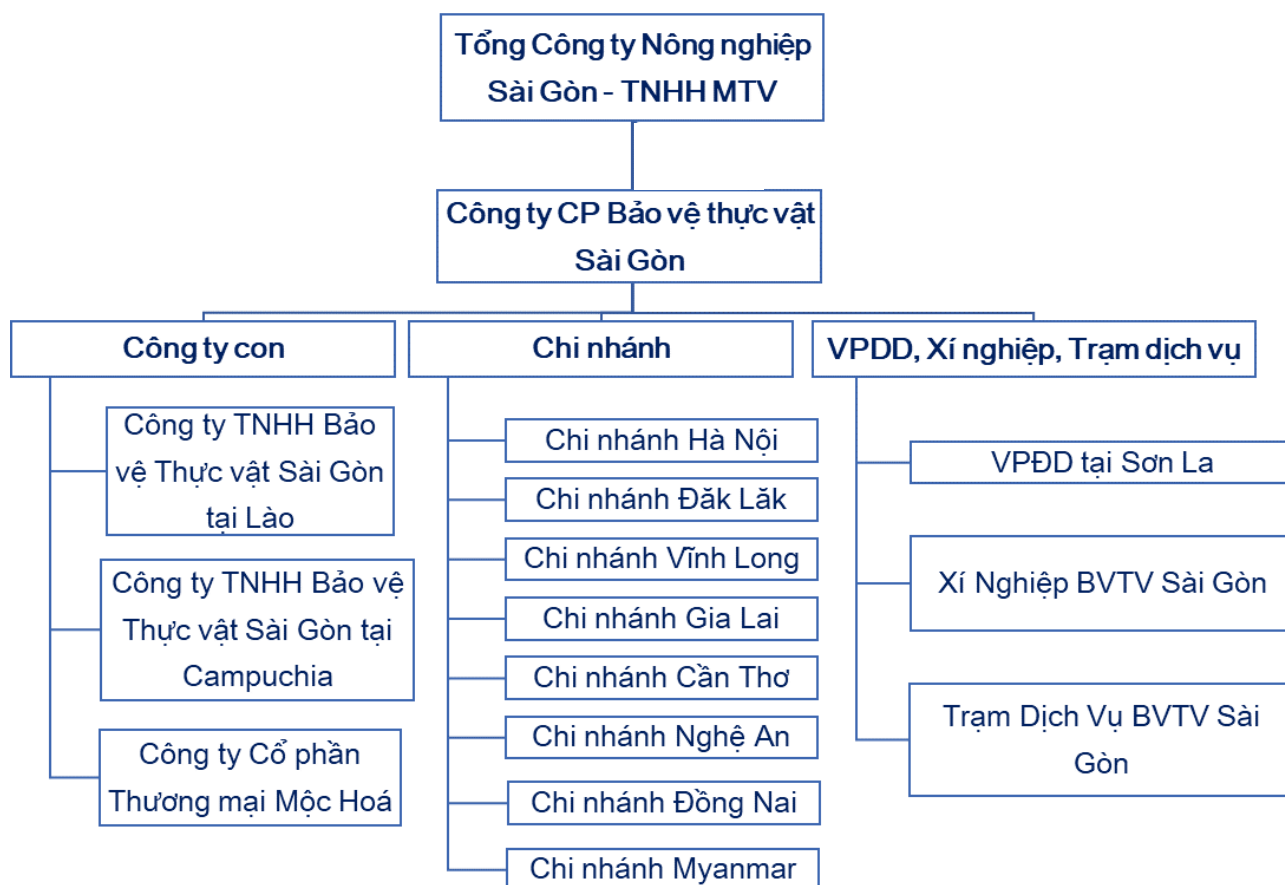
Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Giá trị CP nắm giữ (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông là tổ chức	13	5.455.200	67,35%
2	Cổ đông là cá nhân	498	2.644.800	32,65%
Tổng cộng		511	8.100.000	100%

- Ngày 26/08/2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty:



Cụ thể, cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Stt	Tên đơn vị	Thời gian thành lập	Địa chỉ
I	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn		
1	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Tháng 05/1989	KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
II	Công ty mẹ		
1	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	Tháng 12/1996	189 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Stt	Tên đơn vị	Thời gian thành lập	Địa chỉ
III Công ty con			
1	CTCP Thương mại Mộc Hóa	Tháng 07/2001	Số 72 Trần Hưng Đạo, KP1, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
2	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Cambodia	Tháng 03/2016	Villa No 225GB, Vithya Lay Street, Chrouy Changva ward, Russey Keo District, Phnom Penh City – Cambodia
3	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Lào	Tháng 11/2018	Bản Hoại hè (km 21), Huyện Banchangchaleunsouk, Tỉnh Champasak
IV Chi nhánh			
1	Chi nhánh Hà Nội	Tháng 7/1994	BT2 – 27 Khu đô thị mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
2	Chi nhánh Đắk Lắk	Tháng 6/2000	Số 12 A, Đường Mai Xuân Thường, Phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
3	Chi nhánh Vĩnh Long	Tháng 2/2006	Số 79D/08 Ấp Thanh Hưng, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.
4	Chi nhánh Gia Lai	Tháng 3/2006	114B Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
5	Chi nhánh Cần Thơ	Tháng 8/2000	Lô 30A 5 - Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
6	Chi nhánh Nghệ An	Tháng 4/2004	Tòa nhà văn phòng Mai Linh, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.
7	Chi nhánh Đồng Nai	Tháng 4/2009	Số 4738, QL1A, Ấp Nông Doanh, Xuân Định, Xuân Lộc, Đồng Nai.
8	Chi nhánh Myanmar	Mở VPDD tháng 11/2016 chuyển	No. H101, FMI City, Hlaing Thar Yar Township, Yangon - Myanmar.

Stt	Tên đơn vị	Thời gian thành lập	Địa chỉ
		sang Chi nhánh vào tháng 7/2017	
V	Xí nghiệp, Trạm dịch vụ, VPĐD		
1	Xí Nghiệp Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	Tháng 6/2008	Lô C1 - C3 Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM
2	Trạm Dịch Vụ Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	Tháng 7/2008	22E Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
3	VPĐD tại Sơn La	Tháng 3/2014	Số 214, Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

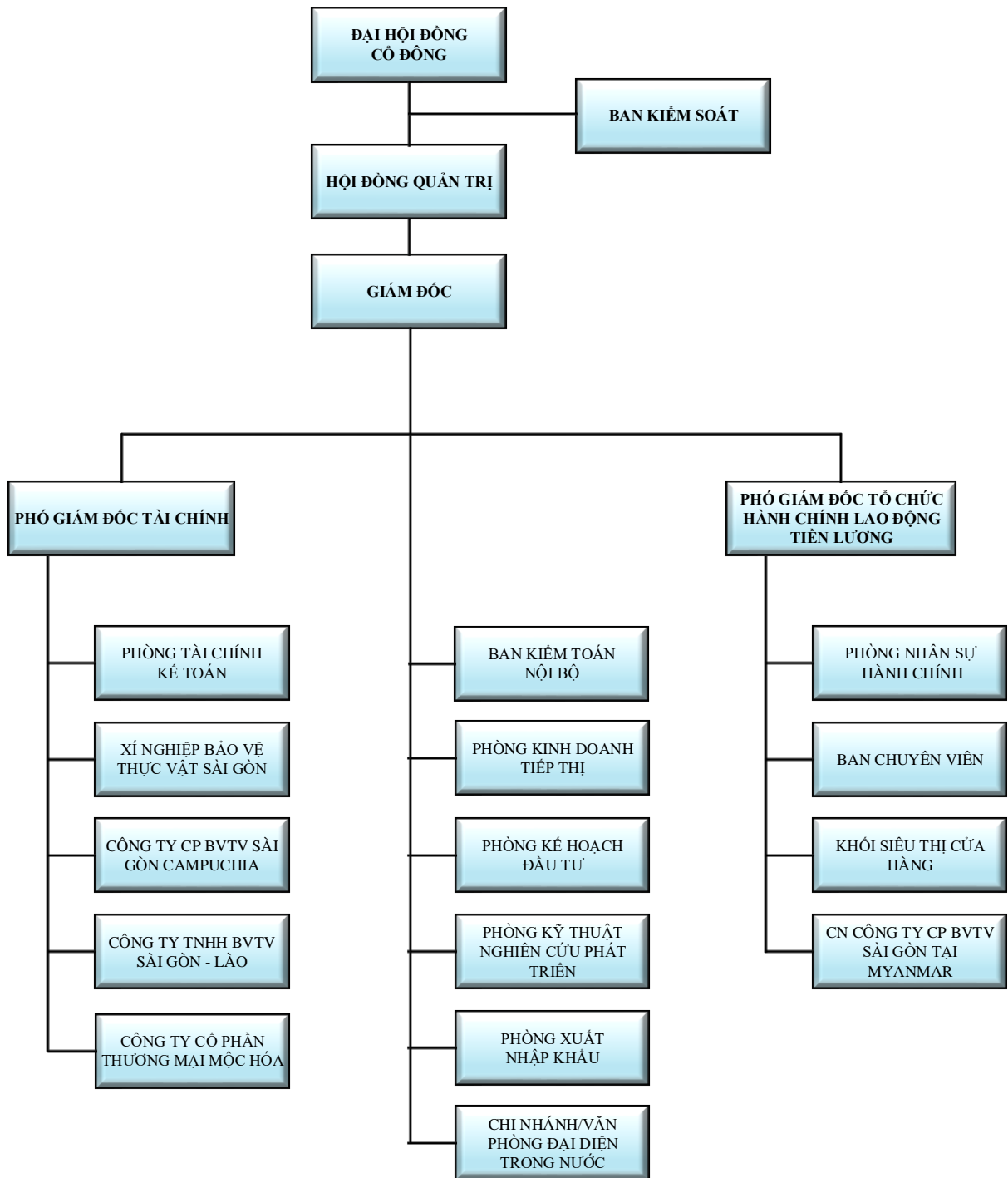
Nguồn: SPC

- Các công ty con:

Stt	Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Lào	100%	100%	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
2	Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Campuchia	100%	100%	Vương quốc Campuchia	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
3	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hoá	61,74%	61,74%	Tỉnh Long An	Kinh doanh bách hóa, xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật

Nguồn: SPC.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển vững mạnh.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT.

3.4. Ban Giám đốc

Ban điều hành của Công ty gồm: Giám đốc, không quá 04 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc và Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức

Các chi nhánh, công ty con, đơn vị trực thuộc Công ty có bộ máy điều hành gồm 01 Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, tối đa 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng theo quyết định của Công ty.

- **Giám đốc:** HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm trừ khi HĐQT có quyết định khác, và có thể tái bổ nhiệm.
- **Các Phó Giám đốc:** giúp Giám đốc điều hành Công ty, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, giúp Giám đốc Công ty giám sát tài chính tại Công ty theo pháp lệnh về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3.5. Các phòng ban chức năng và nhiệm vụ

- **Phòng Nhân sự Hành chính:**
 - Quản trị, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;
 - Quản trị, thực hiện các công tác hành chính, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Công tác bảo vệ tài sản, phòng chống cháy nổ, quản lý hồ sơ lưu trữ của Công ty;
 - Quản lý và bán vé máy bay.
- **Phòng Kinh doanh Tiếp thị:**
 - Hoạch định, tổ chức, thực hiện, quản lý các hoạt động kinh doanh mua bán sản phẩm thuốc BVTV, phân bón, hóa chất và các sản phẩm của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài theo quy định Công ty và pháp luật hiện hành.
 - Mở rộng, phát triển thị trường, thị phần trong nước.
 - Xây dựng, phát triển thương hiệu và quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước.
- **Phòng Tài chính Kế toán:**
 - Quản lý, kiểm soát hoạt động tài chính, kế toán;
 - Huy động, khai thác, sử dụng hiệu quả vốn tài chính của đơn vị;
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- **Phòng Kế hoạch Đầu tư:**
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất theo định kỳ (Niên vụ, Quý, Tháng,...) toàn Công ty, theo dõi tiến độ thực hiện;
 - Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất và cung ứng hàng hoá cho các đơn vị trực thuộc;
 - Cung ứng sắm vật tư, bao bì, phụ gia trong nước phục vụ cho nhu cầu sản xuất;

- Cung ứng hàng hoá thành phẩm cho các chi nhánh trong và ngoài nước;
- Thực hiện các dự án đầu tư trong và ngoài nước theo phân công.
- **Phòng Xuất nhập khẩu:**
 - Cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho Công ty và các đơn vị có liên quan;
 - Xuất khẩu hàng hoá và nhập khẩu, nhập khẩu kịp thời vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu; mua hàng hoá trong nước gồm phụ gia, màu trộn thuốc và nguyên liệu khác liên quan đến công tác pha chế, phối trộn để phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- **Phòng Kỹ thuật – Nghiên cứu phát triển:**
 - Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường;
 - Quản lý chất lượng sản phẩm thuốc BVTV;
 - Thiết kế mẫu mã nhãn hiệu, kiểu dáng bao bì;
 - Phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu Công ty.
- **Ban Kiểm toán nội bộ:**
 - Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế hoạt động của Công ty;
 - Phát hiện ra những sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vai trò là người tư vấn, định hướng cho Giám đốc về quản trị rủi ro;
 - Phân tích, kiểm tra, giám sát các quy trình hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm cải tiến những điểm yếu từ hệ thống quản lý và quản trị.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tại ngày 05/11/2021, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	4106000321	189 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	6.247.020	59,33%
2	Jia Hui	IA6161	Tp. Thường Châu, Tỉnh Giang Tô, CHDCND Trung Quốc	850.530	8,08%
@	TỔNG CỘNG			7.097.550	67,40%

Nguồn: Danh sách cổ đông SPC tại ngày 5/11/2021.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/06/2008. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, toàn bộ số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/11/2021 như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	445	9.576.270	90,94%
	- Cá nhân	438	3.033.110	28,80%
	- Tổ chức	7	6.543.160	62,14%
2	Cổ đông nước ngoài	5	953.730	9,06%
	- Cá nhân	5	953.730	9,06%
	- Tổ chức	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
@	TỔNG CỘNG	450	10.530.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông SPC tại ngày 05/11/2021.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1 Công ty mẹ

Tên Công ty:	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV
Tên viết tắt:	Sagri
Ngày thành lập:	30/12/1996 theo Quyết định số 6178/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chính:	189 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Vốn điều lệ đăng ký:	1.690.510.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	1.643.149.218.942 đồng
Vốn góp tại Công ty:	62.470.000.000 đồng (tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết chiếm 59,33%)
Giấy CN ĐKKD số:	0300636205 ngày 15/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt và chế biến nông sản; Kinh doanh nông dược

5.2 Công ty con

5.2.1 Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Lào

Tên Công ty: Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Lào

Trụ sở chính: Bản Hoại hè (km 21), Huyện Bachingchaleunsouk, Tỉnh Champasak

Ngày thành lập: 14/11/2018

Vốn điều lệ đăng ký: 1.196.500 USD

Vốn điều lệ thực góp: 1.196.500 USD (tương đương 19.332.237.752 đồng tại thời điểm góp vốn)

Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào 19.332.237.752 đồng (tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết chiếm 100%)

Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số: 2564/BKH-DTRNN/ĐC1 ngày 14/11/2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

Lĩnh vực SXKD chính: Kinh doanh thuốc BVTV.

5.2.2 Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Cambodia

Tên Công ty: Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Cambodia

Trụ sở chính: Villa No 225GB, Vithya Lay Street, Chrouy Changva ward, Russey Keo District, Phnom Penh City – Cambodia

Ngày thành lập: 10/3/2016

Vốn điều lệ đăng ký: 300.000 USD

Vốn điều lệ thực góp: 105.000 USD (tương đương 1.895.355.000 đồng tại thời điểm góp vốn)

Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Cambodia 1.895.355.000 đồng (tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết chiếm 100%)

Giấy Chứng nhận Đầu tư 201600113, đăng ký điều chỉnh lần thứ 3 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 10/03/2016.

Lĩnh vực SXKD chính: Kinh doanh thuốc BVTV.

5.2.3 Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hoá

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hoá

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, KP1, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, Việt Nam.

Ngày thành lập: 11/07/2001

Vốn điều lệ đăng ký: 15.966.200.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 15.966.200.000 đồng

Vốn góp của Công ty tại Cổ phần Thương mại Mộc Hoá 9.856.800.000 đồng (tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết chiếm 61,735%).

Giấy Chứng nhận DKDN số: 1100496986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 11/07/2001, đăng ký điều chỉnh lần thứ 32 ngày 30/11/2018.

Lĩnh vực SXKD chính: Cung ứng xuất khẩu lao động, môi giới thương mại, kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc BVTV.

5.3 Những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết: Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm

6.1.1 Thông tin chung về các sản phẩm

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (gồm 3 loại chính: (1) Thuốc trừ cỏ, (2) Thuốc trừ sâu, (3) Thuốc trừ bệnh) với doanh thu từ nhóm sản phẩm này chiếm tỷ trọng 78-79% doanh thu thuần của Công ty qua các năm. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh sản phẩm phân bón và hóa chất (chế phẩm sinh học tạo dín, thuốc điều hoà sinh trưởng,...) với doanh thu dao động khoảng 3% doanh thu thuần và các sản phẩm, dịch vụ khác với doanh thu từ 18-19% doanh thu thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

➤ Nhóm sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật:

- Thuốc trừ cỏ:

Thuốc trừ cỏ có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên nhóm thuốc trừ cỏ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm, khoảng 55% - 57% tổng sản lượng tiêu thụ sản phẩm hằng năm của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm thuốc trừ cỏ của Công ty:



Sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trừ cỏ của Công ty:

Sản lượng	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Sản lượng sản xuất	Tấn	6.898	3.013	1.920
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	8.224	5.743	3.175
- Trong nước	Tấn	7.483	4.422	1.907
- Xuất khẩu	Tấn	741	1.322	1.268

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

- Thuốc trừ sâu:

Thuốc trừ sâu có tính mùa vụ cao, phụ thuộc nhiều vào các yếu tố thiên nhiên, tình hình thời tiết, dịch bệnh. Nhóm sản phẩm này thường chiếm khoảng 17% - 18% tỷ trọng sản lượng tiêu thụ hàng năm của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm thuốc trừ sâu của Công ty:



Sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Thuốc trừ sâu của SPC:

Sản lượng	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Sản lượng sản xuất	Tấn	1.413	1.419	1.007
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2.584	1.821	1.326
- Trong nước	Tấn	2.122	912	1.087
- Xuất khẩu	Tấn	463	909	239

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

- Thuốc trừ bệnh:

Đây là nhóm sản phẩm chiếm tỷ trọng khoảng 12% - 14% trong tổng sản lượng tiêu thụ thuốc BTVT của Công ty. Nhóm sản phẩm này cũng phụ thuộc nhiều vào tình hình thời tiết và dịch bệnh trong năm, nên tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu vì đó mà có nhiều biến động.

Hình ảnh một số sản phẩm Thuốc trừ bệnh của Công ty:



Sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhóm sản phẩm Thuốc trừ bệnh của SPC:

Sản lượng	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Sản lượng sản xuất	Tấn	2.460	1.413	973
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2.093	1.175	1.100
- Trong nước	Tấn	1.826	1.013	1.039
- Xuất khẩu	Tấn	267	162	61

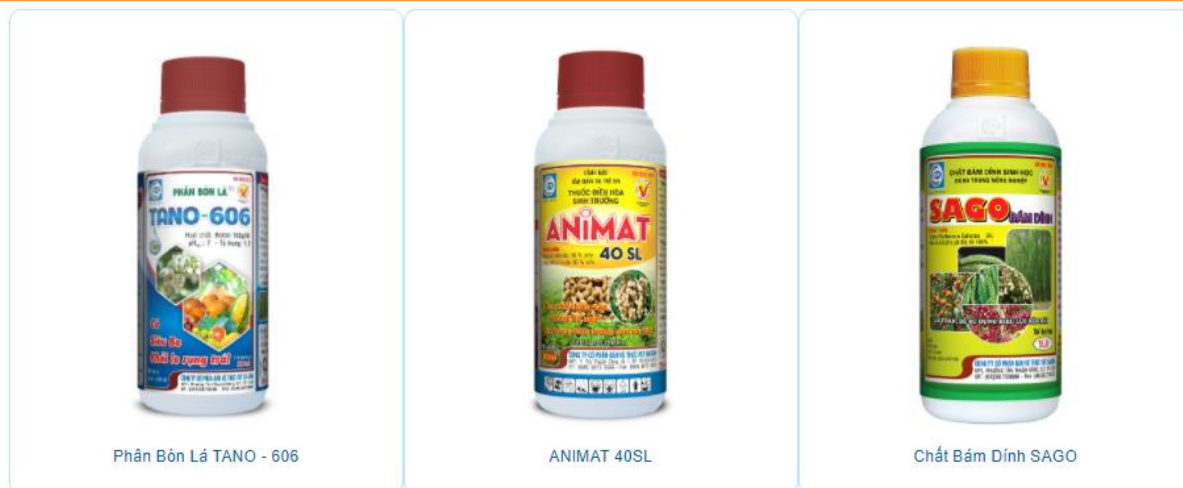
Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

✚ Nhóm sản phẩm phân bón và hoá chất:

Phân bón là dòng sản phẩm được Công ty đưa vào kinh doanh từ năm 2016 và được cấp phép sản xuất từ năm 2018, với mục tiêu đa dạng hoá danh mục sản phẩm của Công ty. Hoá chất bao gồm các sản phẩm như chế phẩm sinh học tạo dính (giúp tăng độ bám của thuốc BVTV trên cây trồng), thuốc điều hoà sinh trưởng,... Nhóm sản phẩm này chiếm khoảng 13% tổng sản lượng tiêu thụ thuốc BVTV của Công ty.

Một số hình ảnh về các sản phẩm phân bón và hoá chất của SPC:





Sản lượng sản xuất và tiêu thụ phân bón, hoá chất của SPC:

Sản lượng	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Sản lượng sản xuất	Tấn	729	760	483
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.953	1.265	983
- Trong nước	Tấn	1.897	1.189	892
- Xuất khẩu	Tấn	55	76	92

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

✚ Nhóm sản phẩm, dịch vụ khác

Ngoài kinh doanh các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật nêu trên, Công ty còn kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ phục vụ trong sản xuất canh tác nông nghiệp và cây trồng cảnh quan đô thị như:

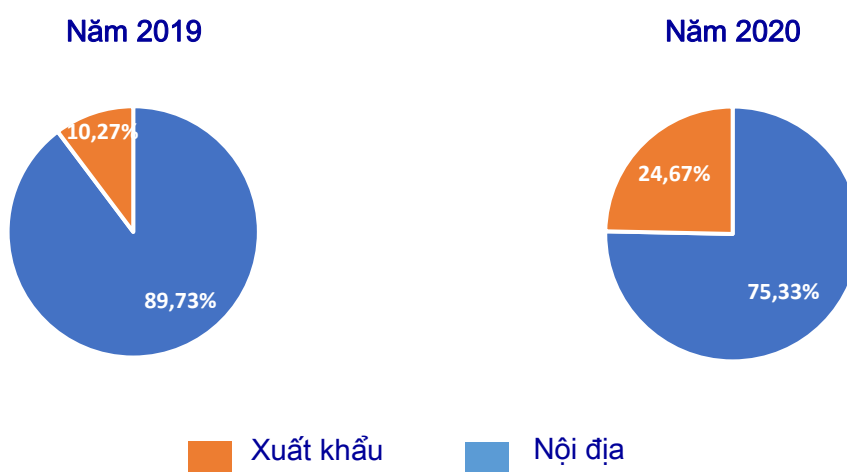
- **Sản phẩm:** Bình xịt, các loại nông cụ, giống cây trồng, hàng tiêu dùng bách hóa tổng hợp (nước tương, nước chấm, gia vị, bột giặt),...
- **Dịch vụ:** Tư vấn trồng trọt, xông hơi khử trùng, xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất.



6.1.2 Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

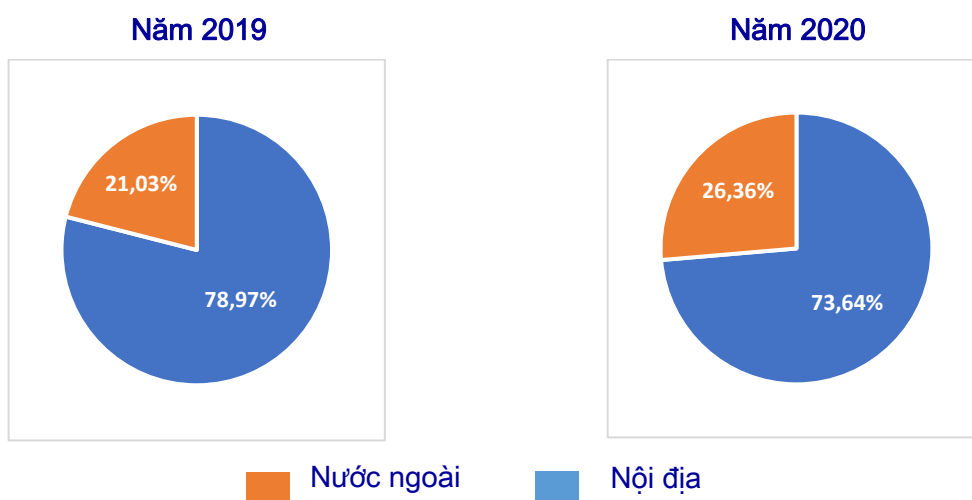
Thị trường xuất khẩu được Công ty chú trọng trong năm 2020, với sản lượng tiêu thụ đạt 2.468,58 tấn, tương ứng 24,67% tổng sản lượng tiêu thụ, tăng 61,76% so với cùng kỳ năm 2019 chỉ đạt 1.526,08 tấn, chiếm 10,27% tổng sản lượng tiêu thụ. Tại thị trường trong nước, Công ty phân phối sản phẩm thông qua hệ thống đại lý và văn phòng đại diện. Tại thị trường nước ngoài, Công ty thực hiện xuất khẩu trực tiếp cho các chi nhánh, công ty con thành viên tại các nước nhập khẩu sản phẩm.

Cơ cấu tiêu thụ sản phẩm theo sản lượng



Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Cơ cấu doanh thu thuần theo khu vực địa lý



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 của SPC.

6.1.3 Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp

6.1.3.1. Cơ cấu doanh thu thuần:

❖ Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm (theo BCTC riêng):

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	9 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
1. Thuốc BVTV	901.301	95,11	789.817	96,10	(12,37)	554.161	95,57
- Thuốc trừ cỏ	582.888	61,51	527.481	64,18	(9,51)	350.495	60,45
- Thuốc trừ sâu	202.703	21,39	166.392	20,25	(17,91)	110.613	19,08
- Thuốc trừ bệnh	115.711	12,21	95.945	11,67	17,08	93.053	16,05
2. Phân bón, hóa chất	37.953	4,01	30.844	3,75	(18,73)	23.594	4,07
3. SP, DV Khác	8.337	0,88	1.171	0,14	85,95	2.091	0,36
Tổng cộng	947.592	100	821.833	100	(13,27)	579.845	100

Nguồn: SPC.

Nhìn chung, phần lớn doanh thu thuần hợp nhất của SPC chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ. Cụ thể, tỷ lệ doanh thu thuần của SPC (theo Báo cáo tài chính riêng so với Báo cáo tài chính hợp nhất) qua các năm luôn chiếm từ 70-80%. Trong đó:

- Đối với hai nhóm sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và phân bón - hóa chất, phần lớn doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh của SPC. Kết quả kinh doanh đối với hai nhóm sản phẩm này trong năm như sau:
 - + Doanh thu thuần nhóm sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật đạt 789,81 tỷ đồng, giảm 12,37% so với kết quả năm 2019 (901,3 tỷ đồng), chiếm 96,1% doanh thu thuần cả năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần nhóm sản phẩm này đạt 554,16 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 95,57% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021. Trong đó, doanh thu thuần các loại sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật như sau:
 - **Thuốc trừ cỏ:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 350,49 tỷ đồng, giảm 9,51% so với kết quả năm 2019 (582,88 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 350,49 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 60,45% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021;
 - **Thuốc trừ sâu:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 166,39 tỷ đồng, giảm 17,91% so với kết quả năm 2019 (202,7 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 của nhóm này đạt 110,16 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19,08% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021;

- **Thuốc trừ bệnh:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 95,94 tỷ đồng, tăng 17,08% so với kết quả năm 2019 (115,71 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 93,05 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,05% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021.
 - Nhóm Phân bón, hóa chất: Doanh thu thuần nhóm phân bón, hóa chất năm 2020 đạt 30,84 tỷ đồng, giảm 18,73% so với kết quả năm 2019 (37,95 tỷ đồng) chủ yếu do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 và tình hình xâm nhiễm mặn, hạn hán. Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của nhóm sản phẩm này đạt 23,59 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,07% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021.
 - Đối với các sản phẩm dịch vụ khác, doanh thu chủ yếu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các công ty con của SPC.
- ❖ **Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm (theo BCTC hợp nhất):**

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	9 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
1. Thuốc BVTV	974.443	78,94	888.372	78,06	(8,83)	637.703	76,51
- Thuốc trừ cỏ	665.533	53,92	631.745	55,51	(5,08)	428.566	51,42
- Thuốc trừ sâu	193.669	15,69	168.041	14,76	(13,23)	116.392	13,97
- Thuốc trừ bệnh	115.241	9,34	88.586	7,78	(23,13)	92.745	11,13
2. Phân bón, hóa chất	38.010	3,08	31.753	2,79	(16,46)	26.506	3,18
3. SP, DV Khác	221.950	17,98	218.001	19,15	(1,78)	169.245	20,31
Tổng cộng	1.234.403	100	1.138.126	100	(7,80)	833.454	100

Nguồn: SPC.

Xét về cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất, từ năm 2019 đến 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu đến từ 3 nhóm sản phẩm chính như sau: (1) Thuốc bảo vệ thực vật (gồm: Thuốc trừ cỏ, Thuốc trừ sâu, Thuốc trừ bệnh. Trong đó, Thuốc trừ cỏ là sản phẩm chủ lực của Công ty với tỷ trọng 51-56% doanh thu thuần) chiếm tỷ trọng 76-79% doanh thu thuần, (2) Phân bón và hóa chất có tỷ trọng dao động quanh mức 3% doanh thu thuần, (3) Các sản phẩm, dịch vụ khác (bình xịt, nông cụ, giống cây trồng, các dịch vụ liên quan đến nông nghiệp,...) chiếm tỷ trọng 18-20% doanh thu thuần.

Kết quả kinh doanh đối với từng nhóm sản phẩm của Công ty như sau:

- **Nhóm Thuốc bảo vệ thực vật:** Năm 2020, doanh thu thuần nhóm sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật đạt 888,37 tỷ đồng, giảm 8,83% so với kết quả năm 2019 (974,44 tỷ đồng), chiếm 78,06% doanh thu thuần cả năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần nhóm

sản phẩm này đạt 637,7 tỷ đồng, giảm 5,41% so với kết quả cùng kỳ năm 2020 (674,16 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 76,51% cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng năm 2021. Trong đó, doanh thu thuần các loại sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật như sau:

- + **Thuốc trừ cỏ:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 631,75 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,08% so với kết quả năm 2019 (665,53 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 428,56 tỷ đồng, giảm 10,37% so với cùng kỳ năm 2020 (478,14 tỷ đồng);
- + **Thuốc trừ sâu:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 168,04 tỷ đồng, giảm 13,23% so với kết quả năm 2019 (193,67 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 của nhóm này đạt 116,39 tỷ đồng, giảm 6,79% so với cùng kỳ năm 2020 (124,87 tỷ đồng);
- + **Thuốc trừ bệnh:** Doanh thu thuần năm 2020 đạt 88,59 tỷ đồng, giảm 23,13% so với kết quả năm 2019 (115,24 tỷ đồng). Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 92,74 tỷ đồng, tăng 30,34% so với cùng kỳ năm 2020 (71,16 tỷ đồng).

So với thuốc trừ sâu và thuốc trừ bệnh (phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tự nhiên, thời tiết, dịch bệnh), thuốc trừ cỏ là sản phẩm chủ lực của Công ty ít chịu ảnh hưởng từ các yếu tố này nên doanh thu thuốc trừ cỏ ít bị tác động hơn so với thuốc trừ sâu và thuốc trừ bệnh.

Nhìn chung, nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 giảm so với năm 2019 chủ yếu do: (1) Nhà nước loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng; (2) Ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh Covid-19 khiến cho hoạt động giao thương bị hạn chế, các chỉ thị cách ly xã hội đã làm đình trệ hoạt động kinh doanh của Công ty; (3) Tình hình xâm nhiễm mặn và hạn hán ở các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long và miền Trung ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, làm cho nhu cầu thị trường đối với sản phẩm của Công ty bị giảm sút.

- **Nhóm Phân bón, hóa chất:** Với mục tiêu đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm này được Công ty đưa vào kinh doanh từ năm 2016 và được cấp phép sản xuất từ năm 2018. Doanh thu thuần nhóm phân bón, hóa chất năm 2020 đạt 31,75 tỷ đồng, giảm 16,46% so với kết quả năm 2019 (38,01 tỷ đồng) chủ yếu do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 và tình hình xâm nhiễm mặn, hạn hán đã trình bày nêu trên. Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của nhóm sản phẩm này đạt 26,51 tỷ đồng, tăng 15,11% so với doanh thu thuần nhóm phân bón, hóa chất cùng kỳ năm 2020 (23,03 tỷ đồng).

- **Nhóm sản phẩm, dịch vụ khác:** Bao gồm các sản phẩm kinh doanh khác của Công ty (Giống cây trồng, nông cụ, bình xịt,...) và các loại dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (Tư vấn trồng trọt, xông hơi khử trùng, xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất,...). Năm 2020, doanh thu thuần nhóm sản phẩm này đạt 218 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,78% so với kết quả năm 2019 (221,95 tỷ đồng). Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần nhóm sản phẩm này đạt 169,24 tỷ đồng, tăng 12,29% doanh thu thuần cùng kỳ năm 2020 của nhóm này (cùng kỳ năm 2020 là 150,72 tỷ đồng). Nhìn chung, kết quả kinh doanh từ nhóm sản phẩm này của Công ty được duy trì tương đối ổn định qua các năm.

Kết quả, doanh thu thuần năm 2020 của Công ty đạt 1.138,13 tỷ đồng, giảm 7,80% so với doanh thu thuần năm 2019 (1.234,40 tỷ đồng). Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của Công ty đạt 833,45 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,7% so với kết quả cùng kỳ năm 2020 (Cùng kỳ năm 2020 là 847,91 tỷ đồng).

6.1.3.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp:

- ❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (theo BCTC riêng):**

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	09 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
1. Thuốc BVTV	191.293	20,19	199.115	24,23	4,09	92.911	16,02
- Thuốc trừ cỏ	113.154	11,94	132.704	16,15	17,28	56.176	9,69
- Thuốc trừ sâu	48.513	5,12	41.549	5,06	(14,36)	18.125	3,13
- Thuốc trừ bệnh	29.627	3,13	24.863	3,03	(16,08)	18.610	3,21
2. Phân bón, hóa chất	6.061	0,64	3.090	0,38	(49,03)	4.584	0,79
3. SP, DV Khác	1.448	0,15	224	0,03	(84,52)	403	0,07
Tổng cộng	198.802	20,98	202.428	24,63	1,82	97.898	16,88

Nguồn: SPC.

Nhìn chung, phần lớn lợi nhuận gộp hợp nhất của SPC chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh của SPC. Cụ thể, tỷ lệ doanh thu thuần của SPC (theo Báo cáo tài chính riêng so với Báo cáo tài chính hợp nhất) qua các năm luôn chiếm từ 70-80%.

Cụ thể, lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty như sau:

- **Nhóm thuốc bảo vệ thực vật:** Nhóm sản phẩm này có lợi nhuận gộp năm 2020 đạt 199,11 tỷ đồng, tăng 4,09% so với năm 2019, nhưng doanh thu thuần của nhóm sản phẩm lại giảm 12,37% do đó biên lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm này đã tăng từ 21,22% năm 2019 lên 25,21% năm 2020. Trong 09 tháng đầu năm, lợi nhuận gộp của nhóm thuốc bảo vệ thực vật đạt 92,91 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 16,77%.

- **Nhóm phân bón và hóa chất:** Lợi nhuận gộp năm 2020 của nhóm sản phẩm này đạt 3,09 tỷ đồng, giảm 49,03% so với cùng kỳ năm 2019 (6,06 tỷ đồng), nhiều hơn mức giảm của doanh thu thuần cùng nhóm sản phẩm là 18,73% do đó biên lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm này đã giảm từ 15,97% năm 2019 xuống còn 10,02% năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm này đạt lần lượt là 4,58 tỷ đồng và 19,43%.
 - **Nhóm sản phẩm, dịch vụ khác:** Nhóm chủ yếu đến từ các sản phẩm và dịch vụ khác tại các công ty con nên có giá trị rất thấp và không đóng góp nhiều trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ. Cụ thể, lợi nhuận gộp của nhóm này đạt lần lượt 1,44 tỷ đồng trong năm 2019, 224 triệu đồng trong năm 2020 và 403 triệu đồng trong 09 tháng đầu năm 2021. Tỷ trọng của nhóm này đạt chưa tới 1% doanh thu thuần của Công ty mẹ qua các năm.
- ❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (theo BCTC hợp nhất):**

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	09 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
1. Thuốc BVTV	195.549	15,84%	169.619	14,90%	(13,26%)	131.758	15,81%
- Thuốc trừ cỏ	124.294	10,07%	107.850	9,48%	(13,23%)	85.056	10,21%
- Thuốc trừ sâu	43.030	3,49%	39.716	3,49%	(7,70%)	25.014	3,00%
- Thuốc trừ bệnh	28.225	2,29%	22.053	1,94%	(21,87%)	21.688	2,60%
2. Phân bón, hóa chất	6.511	0,53%	5.109	0,45%	(21,53%)	5.521	0,66%
3. SP, DV Khác	57.985	4,70%	78.648	6,91%	35,64%	8.485	1,02%
Tổng cộng	260.045	21,07%	253.376	22,26%	(2,56%)	145.764	17,49%

Nguồn: SPC.

Tuy doanh thu thuần năm 2020 giảm 7,80% so với năm 2019, nhưng lợi nhuận gộp năm 2020 của Công ty đạt 253,38 tỷ đồng, chỉ giảm 2,56% so với lợi nhuận gộp năm 2019 (260,05 tỷ đồng), do biên lợi nhuận gộp năm 2020 của Công ty đạt 22,26% (tăng nhẹ so với biên lợi nhuận gộp năm 2019 là 21,07%). Nguyên nhân giúp biên lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2020 được cải thiện so với năm 2019 chủ yếu đến từ nhóm sản phẩm, dịch vụ khác có biên lợi nhuận gộp trong năm 2020 là 36,08% (tăng so với biên lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm này trong năm 2019 là 26,13%).

Trong 9 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 145,76 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 17,49%, thấp hơn so với biên lợi nhuận gộp của cùng kỳ năm 2020 (22,48%) do giá vốn hàng bán năm 2021 của Công ty tăng cao đột biến bởi dịch Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng kéo theo tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí logistics,... (xem thêm phần 6.3 phân tích về giá vốn hàng bán).

Cụ thể, lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty như sau:

- **Nhóm thuốc bảo vệ thực vật:** Nhóm sản phẩm này có lợi nhuận gộp năm 2020 đạt 169,62 tỷ đồng, giảm 13,26% so với năm 2019, nhiều hơn mức giảm của doanh thu thuần cùng nhóm sản phẩm là 8,83% do đó biên lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm này đã giảm từ 20,07% năm 2019 xuống còn 19,09% năm 2020. Nguyên nhân khiến cho biên lợi nhuận gộp năm 2020 giảm so với năm 2019 là do có sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ thuốc trừ sâu và thuốc trừ bệnh (biên lợi nhuận gộp từ 22-25%) sang thuốc trừ cỏ (biên lợi nhuận gộp 17-19%). Trong 09 tháng đầu năm, lợi nhuận gộp của nhóm thuốc bảo vệ thực vật đạt 131,76 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 20,66%.
- **Nhóm phân bón và hóa chất:** Lợi nhuận gộp năm 2020 của nhóm sản phẩm này đạt 5,11 tỷ đồng, giảm 21,53% so với cùng kỳ năm 2019 (6,51 tỷ đồng) , nhiều hơn mức giảm của doanh thu thuần cùng nhóm sản phẩm là 16,46% do biên lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm này đã giảm từ 17,13% năm 2019 xuống còn 16,09% năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm này đạt lần lượt là 5,52 tỷ đồng và 20,83%. Nhìn chung, biên lợi nhuận gộp của nhóm phân bón – hóa chất dao động từ 16-20% tùy theo cơ cấu sản phẩm bán hàng trong từng năm.
- **Nhóm sản phẩm, dịch vụ khác:** Nhóm này bao gồm đa dạng các loại sản phẩm và dịch vụ khác của Công ty nên có biên lợi nhuận gộp biến động mạnh so với 2 nhóm sản phẩm nêu trên. Cụ thể, biên lợi nhuận gộp của nhóm này đạt lần lượt 26,13% trong năm 2019, 36,08% trong năm 2020 và 5,01% trong 09 tháng đầu năm 2021. Đây là nguyên nhân chính giúp cho lợi nhuận gộp năm 2020 của nhóm này đạt 78,65 tỷ đồng, tăng 35,64% so với năm 2019 (trong khi doanh thu thuần cùng nhóm năm 2020 giảm 1,78% so với năm 2019).

6.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm hoá chất dạng nguyên liệu để pha chế, sản xuất thuốc thành phẩm nhập khẩu từ các đối tác tại Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... Một số nguyên liệu, phụ gia được mua trong nước như vật tư, bao bì nhựa, dung môi,....

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất các sản phẩm nông dược, Công ty luôn xây dựng kế hoạch dự trữ hàng tồn kho với giá vốn thấp, đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty đã có những thỏa thuận ký kết lâu dài với các đối tác nước ngoài để đảm bảo số lượng, giá cả và các chính sách hỗ trợ bán hàng nhằm ổn định các nguồn

nguyên liệu đầu vào phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các nhà cung cấp và Công ty cũng xây dựng chi tiết tiến độ cung cấp, giao nhận hàng cho từng thời kỳ phù hợp với thời vụ đáp ứng nhu cầu các sản phẩm đầu ra cho thị trường. Để phòng ngừa rủi ro thiếu hàng đối với một số sản phẩm có số lượng kinh doanh lớn, Công ty luôn đàm phán từ hai nhà cung cấp trở lên để giá cả, chất lượng lẫn số lượng luôn được chọn ở phương án tối ưu.

Đối với hàng hóa vật tư mua trong nước, căn cứ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất, Công ty cũng tiến hành đàm phán ngay từ đầu niên vụ và có sự điều chỉnh hàng quý để vừa đảm bảo tiến độ giao nhận và thanh toán kịp thời đồng bộ với hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu, vừa đảm bảo đồng vốn đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Nguồn cung cấp cho Công ty luôn đạt chất lượng và sự ổn định cần thiết cho hoạt động sản xuất của Công ty. Các nhà cung cấp nguyên vật, liệu đầu vào của SPC là những đối tác cung cấp có uy tín, có quá trình làm việc lâu dài với Công ty và có khả năng cung ứng cho Công ty nguồn nguyên vật liệu có giá cả hợp lý và chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất cao nhất.

Trong năm 2020 và năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến việc giãn cách xã hội, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty không ổn định do chủ yếu được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài.

Một số đối tác cung cấp của Công ty

Stt	Nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp	Số sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng cung cấp (USD)	Thời gian thực hiện
1	Eastchem Co., Ltd.	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	830.885	3.279.753,70	2019
			1.941.860	5.834.231,70	2020
			619.275	2.575.612,50	6 tháng 2021
2	Kolon Global Corp.	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	128.000	1.652.912,00	2019
			160.560	2.093.376,00	2020
			48.000	656.000,00	6 tháng 2021
3	UPL Management	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	11.900	33.129,64	2019
			334.800	3.580.033,48	2020
			27.000	576.860,61	6 tháng 2021
4	Lier Chemical Co., Ltd.	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	75.000	1.296.300,00	2020
			5.000	135.000,00	6 tháng 2021
5	Novatic Chem Co., Ltd.	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	2.335.600	7.136.350,00	2019

Stt	Nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp	Số sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng cung cấp (USD)	Thời gian thực hiện
6	Jiangsu Sinamyang International	Hóa chất sản xuất thuốc BVTV	216.400	1.357.550,00	2019
			401.600	2.732.445,00	2020
			99.750	958.035,00	6 tháng 2021

Nguồn: SPC.

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc nhiều vào biến động nhu cầu chung của thế giới về nguyên vật liệu đó, việc nguyên vật liệu đó có được sản xuất diện rộng và xuất khẩu, sự cho phép của quốc gia nhập khẩu về nguyên vật liệu đó hay không. Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí logistics tăng cao cũng là một trong những nguyên nhân làm cho giá nguyên vật liệu tăng cao, nguồn cung không ổn định từ năm 2020 đến nửa đầu năm 2021. Để tránh tác động của việc gia tăng giá nguyên liệu đầu vào, Công ty chủ động lựa chọn ký hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên vật liệu với số lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Từ đó, Công ty có thể chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

Bảng đánh giá ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Khoản mục		Năm 2019	Năm 2020	09 tháng 2021
Chi phí nguyên vật liệu	A	686.647	487.770	601.731
Giá vốn hàng bán	B	974.358	884.750	687.690
Tỷ lệ Chi phí NVL / GVHB	A/B	70,5%	55,1%	87,50%
Tổng chi phí (GVHB, bán hàng, QLDN)	C	1.164.199	1.060.281	788.130
Tỷ lệ chi phí NVL / tổng chi phí	A/C	59,0%	46,0%	76,35%

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

6.3. Chi phí sản xuất

❖ **Chi phí sản xuất kinh doanh theo BCTC riêng:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại chi phí	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	09 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	748.789	79,02%	619.405	75,37%	(17,28%)	481.947	83,12%
Chi phí bán hàng	124.759	13,17%	118.167	14,38%	(5,28%)	65.534	11,30%
Chi phí QLDN	27.715	2,92%	22.722	2,76%	(18,02%)	14.454	2,49%

Loại chi phí	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2020/2019	09 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Chi phí tài chính	23.059	2,43%	19.321	2,35%	(16,21%)	15.583	2,69%
- Chi phí lãi vay	6.884	0,73%	7.006	0,85%	1,77%	5.335	0,92%
Chi phí khác	1.223	0,13%	2.366	0,29%	93,46%	823	0,14%
Tổng cộng	925.545	97,67%	781.981	95,15%	(15,51%)	578.341	99,74%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng quý III năm 2021 của SPC

Phần lớn chi phí hoạt động hợp nhất của SPC chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh của SPC với tỷ lệ tổng chi phí hoạt động theo báo cáo tài chính riêng so với báo cáo tài chính hợp nhất dao động từ 70-80% qua các năm.

Thông tin đánh giá tổng quan và chi tiết các nhóm chi phí hoạt động sẽ được trình bày tại mục chi phí sản xuất kinh doanh theo BCTC hợp nhất.

❖ Chi phí sản xuất kinh doanh theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Loại chi phí	Năm 2019		Năm 2020		% (+/-) 2019	09 tháng 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	974.358	78,93%	884.750	77,74%	(9,20%)	687.690	82,51%
Chi phí bán hàng	158.068	12,81%	147.388	12,95%	(6,76%)	81.899	9,83%
Chi phí QLDN	31.774	2,57%	28.143	2,47%	(11,43%)	18.541	2,22%
Chi phí tài chính	31.382	2,54%	36.929	3,24%	17,68%	30.894	3,71%
- Chi phí lãi vay	8.002	0,65%	8.203	0,72%	2,51%	6.106	0,73%
Chi phí khác	1.586	0,13%	2.472	0,22%	55,86%	974	0,12%
Tổng cộng	1.197.168	96,98%	1.099.682	96,62%	(8,14%)	819.998	98,39%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC

Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty qua các năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 có tỷ trọng trên doanh thu thuần chiếm khoảng 96-98%, lần lượt là 96,98%, 96,62% và 98,39%. Tổng chi phí năm 2020 là 1.099,68 tỷ đồng, giảm 8,14% so với tổng chi phí năm 2019 (1.197,17 tỷ đồng), trong khi tổng chi phí 9 tháng đầu năm 2021 đạt gần 820 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,35% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể như sau:

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, dao động quanh mức 78% trong 2 năm 2019 và 2020. Trong 9 tháng đầu năm

2021, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đạt 82,51% doanh thu thuần, cao hơn so với tỷ lệ cùng kỳ năm 2020 là 77,52%. Nhìn chung, giá vốn hàng bán năm 2020 đạt 884,75 tỷ đồng, giảm 9,20% so với năm 2019 (974,36 tỷ đồng), chủ yếu do sản lượng bán hàng của Công ty trong năm 2020 (6.357 tấn) giảm so với năm 2019 (11.500 tấn). Trong 9 tháng đầu năm 2021, đặc biệt trong quý 3 năm 2021, ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến cho doanh thu thuần lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 của Công ty giảm nhẹ 1,70%, trong khi giá vốn hàng bán của Công ty tăng 4,63% so với cùng kỳ 9 tháng đầu năm 2020.

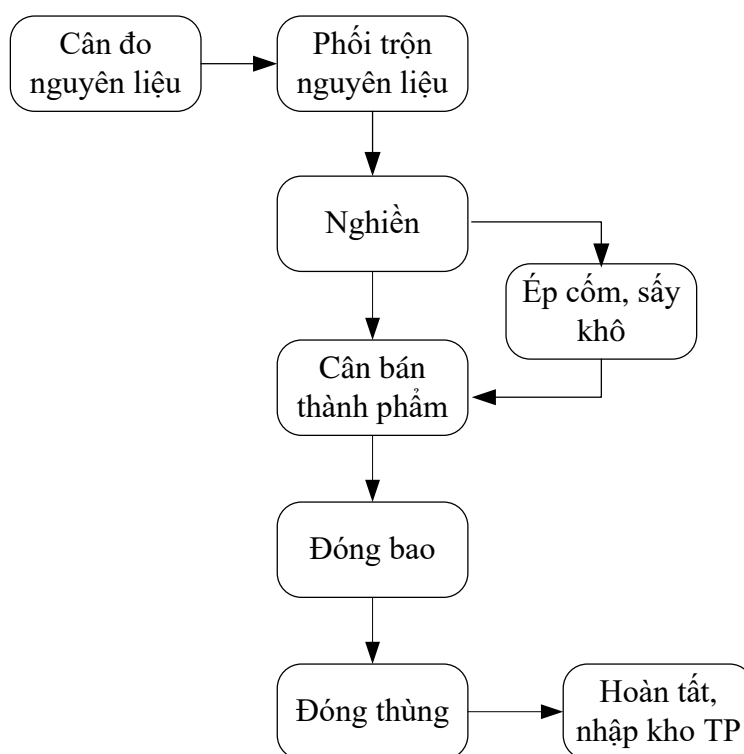
- **Chi phí bán hàng:** Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2019 và năm 2020 đều đạt gần mức 13%, tuy nhiên tỷ lệ chi phí bán hàng trong thời gian 9 tháng đầu năm 2021 chỉ đạt 9,83% doanh thu thuần. Cụ thể, năm 2020, chi phí bán hàng của Công ty đạt 147,39 tỷ đồng, giảm 6,76% so với năm 2019 (158,07 tỷ đồng), do sản lượng bán hàng năm 2020 giảm so với năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2021, chi phí bán hàng của Công ty đạt 81,90 tỷ đồng, giảm 18,29% so với cùng kỳ năm 2020 (100,24 tỷ đồng), do Công ty đã tiết giảm, kiểm soát chi phí phát sinh trong bối cảnh dịch Covid-19.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần duy trì ổn định quanh mức 2-2,5% trong năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021. Năm 2020, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty đạt 28,14 tỷ đồng, giảm 11,43% so với năm 2019 (31,77 tỷ đồng). Trong 9 tháng đầu năm 2021, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty đạt 18,54 tỷ đồng, giảm 19,30% so với cùng kỳ năm 2020 (22,98 tỷ đồng). Nguyên nhân do Công ty đã kiểm soát, tiết giảm chi phí phát sinh trong bối cảnh khó khăn của dịch Covid-19.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là các khoản lãi tiền vay và chiết khấu thanh toán. Từ năm 2019 đến 9 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần đã tăng từ mức 2,5% lên 3,7%. Nhìn chung, trong năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, chi phí tài chính đều tăng so với kết quả cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản chiết khấu thanh toán của Công ty (khoản tiền giảm trừ cho khách hàng do thanh toán tiền mua hàng trước hạn theo hợp đồng). Tỷ lệ khoản chiết khấu thanh toán trên chi phí tài chính trong năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 lần lượt là 55,99%, 60,44% và 69,96%). Cụ thể, chi phí tài chính năm 2020 đạt 36,93 tỷ đồng, tăng 17,68% so với năm 2019 (31,38 tỷ đồng), và chi phí tài chính trong 09 tháng đầu năm 2021 đạt 30,89 tỷ đồng, tăng 17,94% so với cùng kỳ năm 2020 (26,20 tỷ đồng).
- **Chi phí khác:** Chi phí khác chiếm tỷ lệ không đáng kể trên doanh thu thuần, từ 0,1-0,2%, chủ yếu phát sinh từ các hoạt động không thường xuyên như: Xử lý, tiêu hủy sản phẩm

hư hỏng, kém phẩm chất; các khoản nộp phạt hành chính; khấu hao tài sản cố định không tham gia sản xuất; thanh lý tài sản cố định,... Trong năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Công ty có các khoản nộp phạt lần lượt là 423,33 triệu đồng, 148,59 triệu đồng và 816,88 triệu đồng. Các chi phí nộp phạt này chủ yếu là những khoản xử phạt hành chính liên quan đến hoạt động quyết toán thuế hàng năm của Công ty do kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

6.4. Trình độ công nghệ

6.4.3. Quy trình sản xuất sản phẩm

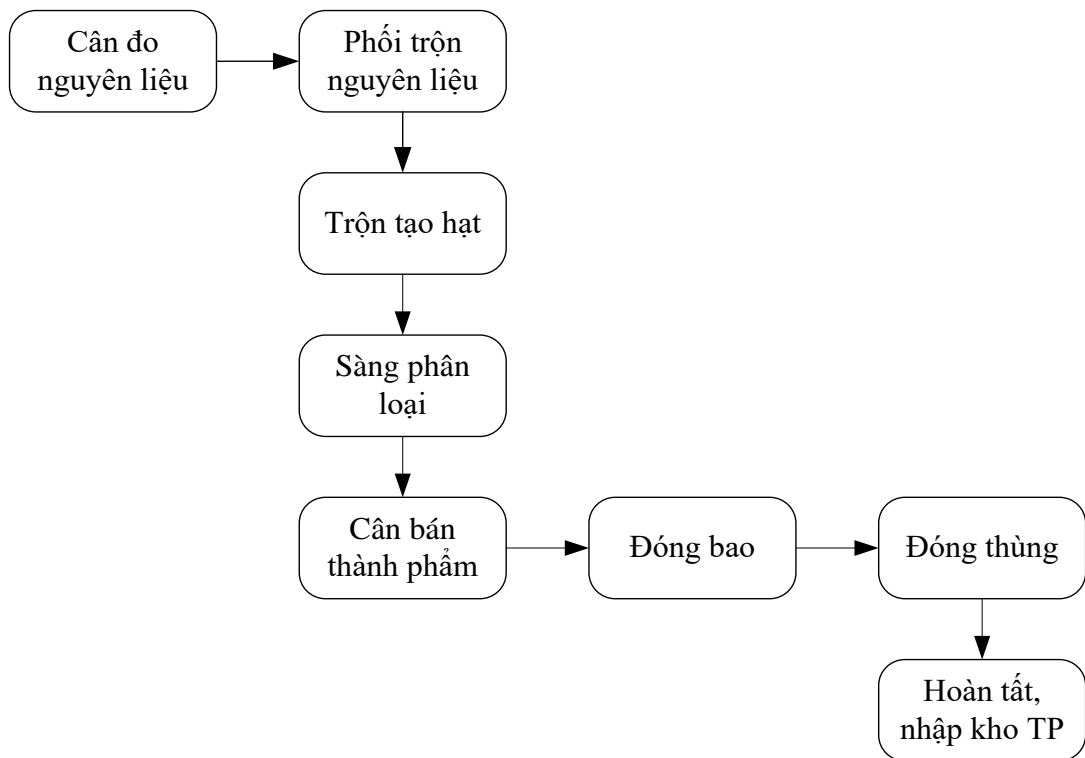
❖ Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc dạng bột/cốm (WP và WDG)



Các chất phụ gia (cao lanh, dusil, màu...) và nguyên liệu hoá chất (Tricyclazole 95%, Bensulfuron methyl 96%,...) được cân trước khi cho vào bồn trộn, sau khi trộn đều sẽ được chuyển đến công đoạn nghiền để thuốc bột có kích cỡ nhất định và đồng đều.

Sau khi nghiền xong, thuốc được trộn lại một lần nữa cho đều trước khi chuyển qua công đoạn đóng bao (đối với thuốc dạng bột) hoặc cho qua bước tiếp theo là ép cốm và sấy khô (đối với thuốc dạng cốm) rồi mới tiến hành đóng bao nếu bán thành phẩm sau khi trộn được cân và kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật. Cuối cùng là công đoạn đóng thùng và hoàn tất nhập kho thành phẩm.

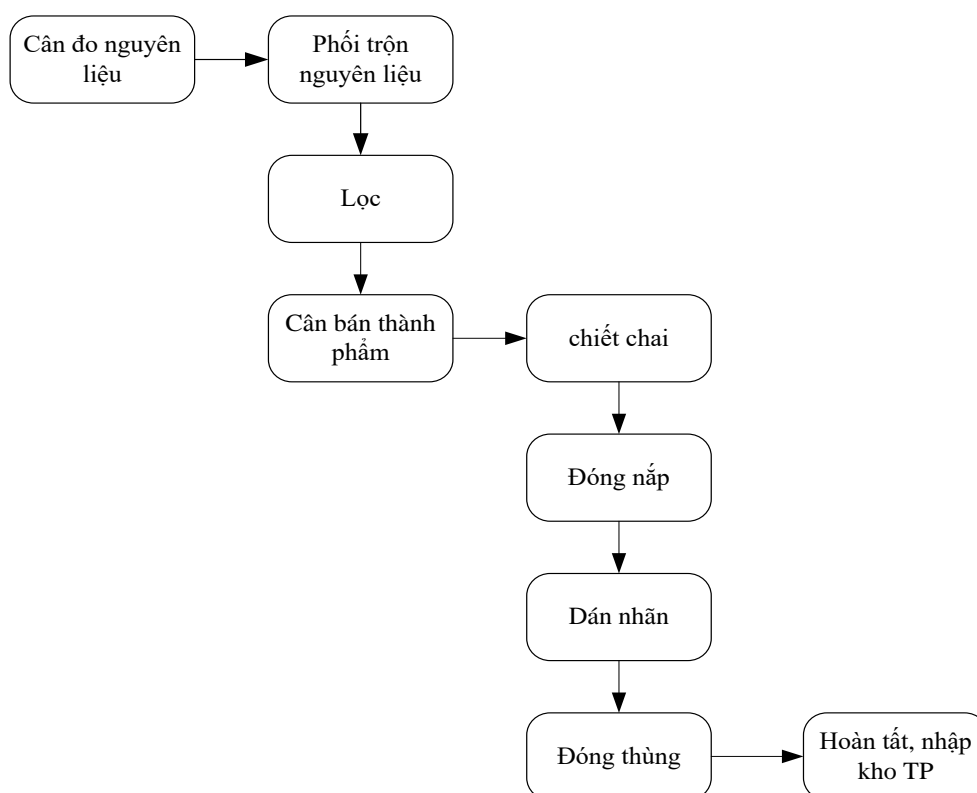
❖ Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc dạng hạt (GR)



Cát và cao lanh được cân trước khi đi vào bộ phận phối liệu và trộn với nguyên liệu tech (Iprobenfos 95%, Cartap 97%...) sau đó chuyển qua công đoạn trộn tạo hạt. Tại bộ phận trộn tạo hạt, nguyên liệu được bám dính vào các nhân (hạt cát) nhờ chất kết dính là dung dịch keo, màu được cung cấp vào bồn.

Sản phẩm sau khi được trộn tạo hạt sẽ chuyển qua công đoạn sàng phân loại rồi cân thuốc dưới dạng bán thành phẩm. Bán thành phẩm sau khi kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật được đưa vào chuyền sản xuất để đóng bao và đóng thùng trước khi lưu kho nhập thành phẩm.

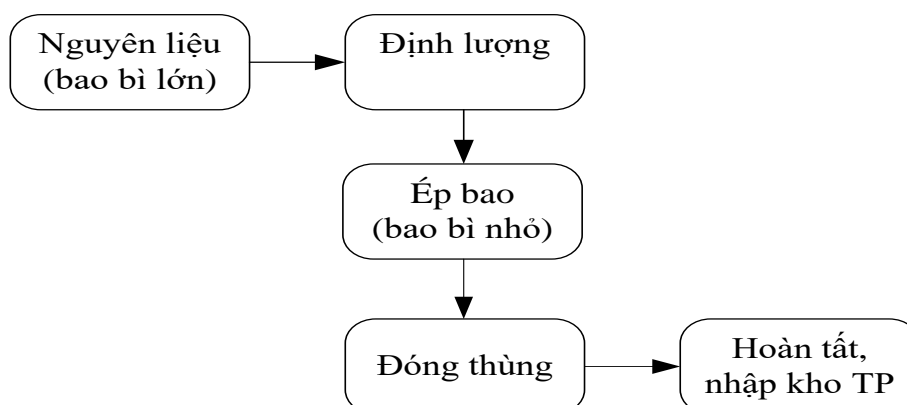
❖ Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc dạng nước (EC, SC, SL)



Các nguyên liệu hoá chất (cypemethrin 93%, hexaconazole 92%, fomesafen 98% ...) và dung môi (xylen/nước,...) được cân trước khi đưa vào phối trộn theo tỷ lệ nhất định sau đó cân và lọc đầu ra bán thành phẩm.

Bán thành phẩm sau khi kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật được chuyển qua dây chuyền bao gồm các công đoạn chiết chai, đóng nắp, dán nhãn và đóng thùng. Tùy thuộc từng loại thuốc sẽ được đóng chai vào các chai có dung tích khác nhau.

❖ Quy trình sản xuất các sản phẩm phân bón, hóa chất



Nguyên liệu phân bón, hóa chất sau khi nhập về dưới dạng bao bì lớn qua công đoạn định lượng sẽ cho vào các bao bì nhỏ hơn sau đó tiến hành ép bao và đóng thùng, hoàn tất nhập kho. Tùy theo loại phân bón có quy cách đóng gói khác nhau.

6.4.4. Đầu tư đổi mới công nghệ

Trong những năm qua Công ty đã tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- **Dây chuyền ra chai thuốc nước tự động 16 pet (năm 2016):** hoạt động theo nguyên lý chiết rót thời gian, có thể chiết được nhiều loại chai, dung tích rót chính xác, tiết kiệm nhân công và nguyên vật liệu, nhập từ Trung Quốc, với số tiền đầu tư hơn 500 triệu đồng cho riêng cụm chiết rót.
- **Dây chuyền nghiền trộn thuốc bảo vệ thực vật dạng huyền phù SC (năm 2018):** dây chuyền nhập từ Trung Quốc với tổng vốn đầu tư đến năm 2018 là 1,5 tỉ đồng, mục tiêu nâng cao năng suất pha trộn thuốc, cụ thể công suất là 5 tấn thuốc/ngày, giúp Công ty chủ động về thời gian, nguồn nguyên liệu dự trữ để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao đối với dạng sản phẩm này.
- **Máy dán nhãn decan chai vuông (năm 2019):** nhập từ Hàn Quốc với vốn đầu tư 840 triệu đồng. Máy có thể dán nhiều loại chai vuông, nhiều quy cách chai nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa mẫu mã chai cho sản phẩm kinh doanh, cạnh tranh trên thị trường.
- **Máy đóng gói lớn tự động 03 biên (năm 2020):** nhập từ Trung Quốc, cải thiện đáng kể công suất so với máy thế hệ cũ dạng bán tự động công suất thường 3000- 4000 gói/ca. Máy hoàn toàn tự động các công đoạn hút túi, mở túi ,định lượng chiết rót, hàn miệng. Thiết bị có chức năng chống hàn miệng cho túi trống, điều khiển khi có túi trống không hàn miệng, không lãng phí bao bì. Sử dụng cơ cấu bánh cam truyền động, tính năng an toàn, thao tác đơn giản, bảo trì tiện lợi. Máy giúp giảm nhân công một nửa so với công nghệ cũ và giảm thiểu bụi thải ra môi trường. Giá trị đầu tư máy: 1,6 tỉ đồng.

Một số thông tin về dây chuyền sản xuất của Công ty như sau:

Stt	Máy móc thiết bị	Công suất
1	Dây chuyền ra chai thuốc nước tự động 16 pet	15,000-20,000 chai/ngày
2	Máy đóng gói lớn tự động 03 biên	5000-6000 gói/ca
3	Dây chuyền nghiền trộn thuốc bảo vệ thực vật dạng huyền phù SC	5 tấn thuốc/ngày

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đang từng bước đổi mới công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải tiến phương thức sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Song song đó, Công ty đã đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc BVTV tiên tiến trên thế giới để sản xuất sản phẩm mới dạng SC, WDG. Các sản phẩm này đã bước đầu chiếm lĩnh thị trường, nâng cao thương hiệu sản phẩm, nhằm từng bước hướng đến tầm nhìn của Công ty đến năm 2020 là “Trở thành tập đoàn dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới” và hoàn thành sứ mạng của Công ty là “Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững”.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm

Bộ phận kiểm tra chất lượng với nhiệm vụ đảm bảo chất lượng sản phẩm thông qua hệ thống kiểm soát bằng biểu đồ kiểm soát 3-SIGMA, sản phẩm của Công ty luôn được kiểm tra phân tích trước khi xuất xưởng.

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng đang được Công ty áp dụng gồm có ISO 9001:2015, ISO IEC 17025 và ISO 14001:2015.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Thuộc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn, có các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện khảo nghiệm đánh giá hiệu lực, tính năng của sản phẩm;
- Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất;
- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu sản phẩm đầu ra phục vụ sản xuất, kinh doanh;
- Áp dụng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong hoạt động của phòng.

6.7. Hoạt động Marketing

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm phục vụ nền nông nghiệp có vị thế vô cùng quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, SPC hiểu rõ tầm quan trọng của việc phát triển tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động marketing, tiếp thị nhân hàng thể hiện thông qua các hoạt động sau:

- ✚ **Hoạt động xây dựng thương hiệu:** Công ty xây dựng thương hiệu bằng việc đưa chất lượng sản phẩm lên hàng đầu. Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh – nền văn hóa SPC chuẩn mực. Thực hiện hài hòa các lợi ích giữa Khách hàng - Người lao động - Cộng đồng và Cổ đông. Giữ vững sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia năm 2020 và gia tăng sản phẩm vào các năm tiếp theo. Song song đó, thực hiện triệt để việc truyền thông và các hành động bảo vệ thương hiệu, biện pháp chống hàng nhái, hàng giả.
- ✚ **Hoạt động nghiên cứu thị trường:** nhằm giúp Công ty nắm bắt được thị hiếu người tiêu dùng, đối thủ cạnh tranh, phân khúc thị trường. Công ty tổ chức đội ngũ tiếp thị có tính chuyên nghiệp cao, trên cơ sở đó tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty có chiến lược phát triển thị trường một cách bền vững và đúng hướng.
- ✚ **Hoạt động quảng cáo tiếp thị, quan hệ cộng đồng:** Công ty quảng bá thương hiệu qua các kênh truyền hình, truyền thanh, báo chí và thực hiện các công cụ như website SPC, trang facebook Truyền thông SPC, Youtube. Thực hiện quảng bá sản phẩm trên thị trường thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm, chương trình bác sĩ cây trồng. Phối hợp với Cục BVTV các Chi cục BVTV các tỉnh để thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, các hoạt động xã hội. Bên cạnh đó, Công ty tuyên truyền trong chính nội bộ doanh nghiệp để CBNV hiểu được giá trị thương hiệu, các giá trị cốt lõi.
- ✚ **Mạng lưới phân phối:** Xây dựng chiến lược hệ thống phân phối mang tính chất dài hạn để có định hướng phát triển sản phẩm đến từng đại lý cấp 1, cấp 2, hệ thống bán lẻ... một cách hoàn chỉnh và mang tính chuyên nghiệp nhằm giữ vững và mở rộng thị phần. Ổn định, củng cố hoạt động mô hình siêu thị nông nghiệp nhằm khuyến khích thương hiệu cũng như tạo hình ảnh chuyên nghiệp cho Công ty. Trong năm dự kiến sẽ phát triển thí điểm khoản 50 đại lý SPC bán lẻ và kinh doanh độc quyền hàng hóa của SPC vào các vùng miền nông thôn trên cả nước.

- ✚ **Chính sách bán hàng:** Tiếp tục phát triển và đẩy mạnh mô hình nông dân SPC để hình ảnh SPC đi vào nông dân và trở thành lựa chọn đầu tiên của nông dân. Để công tác quảng bá trở thành công cụ đắc lực của kinh doanh, chi phí quảng bá phải thực hiện tại đại lý SPC và mang lại lợi ích thiết thực cho người nông dân trực tiếp sử dụng sản phẩm SPC như một hình thức khuyến mãi trực tiếp đối với khách hàng. Thông qua các hoạt động marketing cụ thể như trên, SPC càng có thêm động lực và niềm tin để đưa những sản phẩm chất lượng của Việt Nam đi xa hơn tại thị trường trong nước cũng như trên thị trường quốc tế.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty sử dụng biểu tượng Logo sau đây:



Nhãn hiệu Logo Công ty đã được đăng ký độc quyền số 323687/QĐ-ĐK ngày 25 tháng 08 năm 2016 do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp.

Mô tả Logo: Là hình tròn đồng tâm, nền màu xanh, bên trong là biểu tượng nhánh lúa của nền văn minh lúa nước, 53 hạt lúa vàng tượng trưng cho 53 tỉnh thành Việt Nam vào năm 1994; cùng với tên viết tắt của Công ty là SPC.

Ý nghĩa Logo: Ý nghĩa Biểu trưng của Công ty từ sự tích bánh chưng bánh dày thời Vua Hùng Vương thứ VI, với hình vuông và hình tròn biểu tượng cho Đất và Trời, thể hiện triết lý Phương Đông: Thiên thời – Địa lợi – Nhân hoà.

Các sản phẩm của Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng ký kết giữa SPC và khách hàng thường là hợp đồng nguyên tắc với các đại lý phân phối sản phẩm. Tổng hợp các hợp đồng có giá trị lớn trong năm 2020 như sau:

Stt	Tên khách hàng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Đại lý Võ Hoàng Dũng	Thuốc BVTV, phân bón	33.251	Năm 2020

Stt	Tên khách hàng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
2	Đại lý Phạm Trường Giang	Thuốc BVTV, phân bón	30.528	Năm 2020
3	Cửa hàng Vật tư Công nghiệp Nông nghiệp Đào Công An	Thuốc BVTV, phân bón	19.548	Năm 2020
4	CTCP Thương mại Mộc Hóa	Thuốc BVTV, phân bón	16.323	Năm 2020
5	Đại lý Đặng Văn Lân (Sơn La)	Thuốc BVTV, phân bón	15.373	Năm 2020
6	CTCP Thương mại BVTV Minh Khai	Thuốc BVTV, phân bón	13.126	Năm 2020
7	Hộ kinh doanh Thuốc trừ sâu Trần Văn Thê	Thuốc BVTV, phân bón	11.401	Năm 2020
8	Đại lý Hoàng Hải Ninh (Nam Định)	Thuốc BVTV, phân bón	10.674	Năm 2020
9	Đại lý Nhật Thông	Thuốc BVTV, phân bón	10.158	Năm 2020
10	Đại lý Phạm Duy Dương	Thuốc BVTV, phân bón	9.139	Năm 2020
11	Công ty TNHH Quốc tế Nông nghiệp Vàng	Thuốc BVTV, phân bón	9.034	Năm 2020
12	Cửa hàng Thành Y	Thuốc BVTV, phân bón	8.270	Năm 2020
13	Đại lý Nguyễn Thị Sinh – Sơn La	Thuốc BVTV, phân bón	7.352	Năm 2020

Stt	Tên khách hàng	Sản phẩm cung cấp	Giá trị thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
14	Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Mỹ Chên	Thuốc BVTV, phân bón	7.343	Năm 2020
15	Đại lý Trần Hữu Nghĩa	Thuốc BVTV, phân bón	7.200	Năm 2020
16	Đại lý Lệ Thủy	Thuốc BVTV, phân bón	7.089	Năm 2020
17	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan	Thuốc BVTV, phân bón	6.768	Năm 2020
18	Công ty TNHH Phát Thành	Thuốc BVTV, phân bón	6.703	Năm 2020
19	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thuốc BVTV, phân bón	6.672	Năm 2020
20	Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Hai Chiến	Thuốc BVTV, phân bón	6.374	Năm 2020
@	Tổng cộng		242.327	

Nguồn: SPC.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm gần nhất

❖ Các chỉ tiêu HĐKD theo BCTC riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% (+/-) 2020/2019	9T.2021
1	Tổng giá trị tài sản	539.905	567.023	5,81%	546.678
2	Vốn chủ sở hữu	204.923	216.617	5,71%	204.687
3	Doanh thu thuần	947.592	821.833	(13,27%)	579.845

4	Lợi nhuận từ HĐKD	41.638	45.455	9,17%	4.967
5	Lợi nhuận khác	7.398	1.479	(80,01%)	1.734
6	Lợi nhuận trước thuế	49.036	46.934	(4,29%)	6.701
7	Lợi nhuận sau thuế	38.404	37.732	(1,75%)	5.361
8	Tỷ lệ LNST/VCSH BQ	0,19	0,18	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng quý III năm 2021 của SPC.

Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ như sau:

Tổng tài sản của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2020 đạt mức 567,02 tỷ đồng, tăng nhẹ ở mức 5,81% so với mức tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 (539,9 tỷ đồng). Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu cũng duy trì mức tăng tương đương là 5,71%, đạt giá trị 216,6 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 so với mức 204,9 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019. Năm 2020, Công ty mẹ vẫn duy trì giá trị tổng tài sản và vốn chủ ở mức ổn định. Kết thúc 09 tháng đầu năm, tổng tài sản của Công ty đạt mức 546,67 tỷ đồng, giảm 3,59% so với cùng kỳ năm 2019, vốn chủ sở hữu đạt 204,68 tỷ đồng, giảm 5,51% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong năm 2020, doanh thu thuần của Công ty mẹ giảm 13,27% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ ở mức 1,75% so với năm 2019. Lợi nhuận của công ty mẹ năm 2020 vẫn được duy trì không bị giảm sút mạnh chủ yếu đến từ việc tiết giảm đáng kể trong chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, còn đến từ một số nguyên nhân sau:

Năm 2020, lợi nhuận khác là 1,47 tỷ đồng giảm hơn 80% so với năm 2019 chủ yếu là do giảm mạnh khoản thu nhập bất thường đến từ việc bán thùng phuy.

Với việc kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ cùng chiến lược khai thác hàng tồn kho một cách hợp lý, giảm thiểu lượng hàng kém phẩm chất bị trả lại, sản lượng bán ra trong 09 tháng đầu năm được đảm bảo làm cho doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2021 đạt 579,84 tỷ đồng, giảm khoảng 8,11% so với cùng kỳ năm 2020 nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 5,36 tỷ đồng giảm 79,84% so với cùng kỳ năm 2020. Sở dĩ lợi nhuận sau thuế có mức giảm đáng kể như vậy là do giá vốn hàng bán tăng cao khi việc nhập khẩu các nguyên vật liệu từ nước ngoài trở nên khó khăn, chuỗi cung ứng đứt gãy khiến cho giá cả nguyên vật liệu bị đẩy lên cao, chi phí vận chuyển, lưu kho bãi cũng theo đó tăng tương ứng làm cho biên lợi nhuận hoạt động giảm đáng kể.

❖ Các chỉ tiêu HĐKD theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% (+/-) 2020/2019	9T.2021
1.	Tổng giá trị tài sản	610.000	640.467	4,99%	639.247
2.	Vốn chủ sở hữu	230.426	237.482	3,06%	240.274
3.	Doanh thu thuần	1.234.403	1.138.126	(7,80%)	833.454
4.	Lợi nhuận từ HĐKD	43.979	45.575	3,63%	20.215
5.	Lợi nhuận khác	7.725	3.337	(56,80%)	15.264
6.	Lợi nhuận trước thuế	51.705	48.913	(5,40%)	20.215
7.	Lợi nhuận sau thuế	39.644	37.001	(6,67%)	15.264
	- LNST cổ đông công ty mẹ	38.705	36.412	(5,92%)	14.696
	- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	939	589	(37,27%)	569
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17%	17%	-	-
9.	Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân	18,10%	16,30%	(1,80%)	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Tổng tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2020 đạt mức 640,46 tỷ đồng, tăng nhẹ ở mức 4,99% so với mức tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 (610 tỷ đồng). Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu cũng có mức tăng nhẹ là 3,06%, đạt giá trị 237,48 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 so với mức 230,42 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019. Kết thúc 09 tháng đầu năm, tổng tài sản của Công ty đạt mức 639,24 tỷ đồng, giảm 0,19% so với cùng kỳ năm 2019, vốn chủ sở hữu đạt 240,27 tỷ đồng, tăng 1,18% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong các năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn có sự tăng trưởng cả về chỉ tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, năm 2020 là một năm khó khăn và đầy thách thức đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Trong năm 2020, doanh thu thuần của Công ty giảm nhẹ 7,8% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế giảm khoảng 6,67% so với năm 2019. Sở dĩ lợi nhuận năm 2020 có phần giảm sút,

bên cạnh yếu tố biến động về sản lượng bán ra giảm nhưng giá bán sản phẩm trong năm không thể điều chỉnh tăng, còn một số nguyên nhân sau:

Tình hình xâm nhiễm mặn và hạn hán ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung diễn ra hết sức nặng nề trong những tháng đầu năm 2020, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và sản xuất nông nghiệp của nông dân, làm cho thị trường và nhu cầu thuốc BVTV, phân bón giảm sút rõ rệt.

Năm 2020 cũng là năm sản lượng công ty giảm đáng kể một số sản phẩm có chứa hoạt chất thuốc BVTV của Công ty bị loại ra khỏi danh mục kinh doanh như: Sairifos, Diaphos hoặc bị hạn chế đăng ký hàm lượng như sản phẩm: Secsaigon, Saicoba... nên doanh số bị giảm đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2020 tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nên sức tiêu thụ thuốc BVTV của người dân giảm rõ rệt.

Năm 2020, lợi nhuận khác là 3,37 tỷ đồng trong đó bao gồm thu nhập từ việc cho thuê kho, thanh lý tài sản cố định, bán phuy, nhận khuyến mãi khác,...

Năm 2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19, sản lượng bán ra trong 09 tháng đầu năm giảm 4,37% làm cho doanh thu thuần 9 tháng đầu năm đạt 833,45 tỷ đồng, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy sản lượng các sản phẩm hầu hết đều giảm nhưng sản phẩm thuốc trừ bệnh lại gia tăng cả sản lượng lẫn doanh thu lần lượt là 32,53% và 30,34% đã bù đắp phần nào sự sụt giảm của các mặt hàng còn lại nên giữ mức doanh thu chỉ giảm nhẹ như mức đã nêu trên. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 15,26 tỷ đồng giảm 58,71% so với cùng kỳ năm 2020. Sở dĩ lợi nhuận sau thuế có mức giảm đáng kể như vậy là do giá vốn tăng cao trong tình hình dịch bệnh trong khi giá bán không thể điều chỉnh tương ứng một cách đột ngột. Chi phí tài chính tăng mạnh trong 09 tháng đầu năm đến từ việc chiết khấu thanh toán cho khách hàng cộng thêm khoản lãi mua hàng trả chậm tăng 17,94%. Đồng thời, 9 tháng 2021 lợi nhuận khác của Công ty là 2,1 tỷ đồng đến từ các khoản đã nêu tương tự như của năm 2020.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm báo cáo

✚ Thuận lợi:

- Công ty có danh tiếng nhiều năm trong ngành với đa dạng các loại sản phẩm chất lượng được người tiêu dùng toàn quốc biết đến cùng với thị trường xuất khẩu ổn định.
- Tình hình tài chính Công ty ổn định, nợ được kiểm soát chặt chẽ. Công ty có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngân hàng và các tổ chức tài chính để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, Công ty đẩy mạnh xuất khẩu thu về nguồn ngoại tệ cân đối nên có thể chủ động vay ngoại tệ từ các ngân hàng với lãi suất thấp dẫn đến chi phí tài chính thấp.
- Các nguồn nguyên liệu và nhiên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh được cung cấp đều đặn và đầy đủ.

✚ Khó khăn:

- Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng chung lên nền kinh tế Việt Nam khiến giá nông sản bị tác động mạnh vì dịch bệnh nên nông dân giảm đầu tư, dẫn tới sức mua trên thị trường thuốc bảo vệ thực vật sụt giảm.
- Theo định hướng hạn chế sử dụng thuốc BVTV, riêng trong năm 2020, Cục Bảo vệ Thực vật đã đề xuất Bộ NN-PTNT loại bỏ 1.265 hoạt chất độc, hại của 838 tên thương phẩm thuốc bảo vệ thực vật không đáp ứng quy định về quản lý thuốc thuốc bảo vệ thực vật ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam.
- Ảnh hưởng của xâm nhập mặn và hạn hán, diện tích canh tác vụ hè thu giảm. Ngoài ra, năm 2020 thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng, ít dịch bệnh sâu hại nên lượng tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật cũng giảm.
- Các doanh nghiệp ngành bảo vệ thực vật Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức trong vài năm trở lại đây, từ việc khó tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào cho tới tình trạng cạnh tranh gay gắt với hàng nhập khẩu, hàng giả, hàng nhái và xu hướng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đang giảm dần.
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành ngày càng gay gắt, nhất là cạnh tranh về giá sản phẩm để thu hút khách hàng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trong ngành BVTV tại Việt Nam, SPC được xem là một trong những thương hiệu đầu ngành, có bề dày hoạt động trong ngành so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Kinh nghiệm cũng như thương hiệu, chất lượng, uy tín đã được khẳng định trên thị trường.

Hệ thống phân phối của Công ty rải đều trên cả nước và đang được mở rộng sang các nước láng giềng (Campuchia, Lào). Sản phẩm của Công ty được khách hàng là nông dân cũng như các công ty hàng đầu tin dùng và đánh giá cao. Thêm vào đó, Công ty còn sở hữu đội ngũ CBCNV gắn bó lâu năm, có kinh nghiệm và tay nghề cao.



Hiện nay, bên cạnh SPC, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoá chất bảo vệ thực vật ở Việt Nam có thể kể đến như CTCP Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương (BT1), CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC), CTCP Nông dược H.A.I (HAI), CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (Vipesco – VPS), CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ (CPC), CTCP Tập đoàn Lộc Trời (LTG). Trong đó, SPC là doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) ấn tượng nhất xét về mặt doanh thu trong giai đoạn 2015 – 2020:

Mã CK	Doanh thu thuần giai đoạn 2015-2020 (triệu đồng)						CAGR
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
SPC	872.207	863.495	1.229.076	1.241.135	1.234.403	1.138.126	5,47%
CPC	195.714	210.731	275.415	322.218	267.735	191.835	(0,40%)
LTG	7.855.887	7.783.049	8.686.820	9.031.433	8.309.559	7.505.793	(0,91%)
VFC	2.019.975	2.290.069	2.178.000	2.288.965	2.069.553	1.913.312	(1,08%)
VPS	802.905	749.618	757.467	697.376	609.066	507.882	(8,75%)
BT1	537.550	480.278	540.579	449.563	465.744	331.430	(9,22%)
HAI	1.609.202	1.611.956	1.721.153	978.409	1.645.728	581.732	(18,41%)

Nguồn: Rừng Việt tổng hợp

Xu hướng sử dụng sản phẩm bảo vệ thực vật hiện nay đang có sự gia tăng tỷ trọng của nhóm các sản phẩm hữu cơ, đồng thời người sử dụng cũng có xu hướng giảm dư lượng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhằm đảm bảo tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường nông sản nội địa cũng như quốc tế. Trên cơ sở nhận thức rõ chất lượng sản phẩm quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, chính vì vậy, SPC rất chú trọng đầu tư nguồn nhân lực; không ngừng

cải tiến công nghệ, hiện đại hóa hệ thống máy móc trang thiết bị, ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; từ đó cho ra đời nhiều sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành bảo vệ thực vật luôn được Nhà nước quan tâm đặc biệt. Định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và xu hướng chung của thế giới được thể hiện qua các điểm chính sau:

- Nông dươc ngày càng được sử dụng phổ biến trên hầu hết các loại cây trồng. Dự báo tốc độ tăng trưởng của ngành nông dươc sẽ tăng cao hơn trong bối cảnh ngành công nghiệp và dịch vụ đang gặp khó khăn.
- Thị trường kinh doanh được mở rộng khi Việt Nam gia nhập WTO. Xuất khẩu nông nghiệp sẽ tăng mạnh, chất lượng sản phẩm được cải thiện bởi việc xuất khẩu sẽ có chọn lọc. Đây được xem là yếu tố cơ bản của Công ty bởi sản phẩm của Công ty luôn tuân thủ quy trình kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt.
- Ngành nông nghiệp phát triển sẽ giúp cải thiện đời sống nông dân, nâng cao sự hiểu biết và nhận thức của nông dân, cải thiện quá trình canh tác nông nghiệp để tăng năng xuất. Vấn đề này luôn được các cấp Nhà nước quan tâm đặc biệt.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong ngành BVTV giúp cho ngành nông nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các DN trong cùng ngành

Ngành hoá chất bảo vệ thực vật là ngành công nghiệp gắn liền với ngành nông nghiệp trồng trọt, duy trì được sự ổn định qua nhiều năm cũng như có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong tương lai. Tuy nhiên, đây là một ngành có nhiều sự cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp và các loại sản phẩm đa dạng trên thị trường. Với thế mạnh riêng của mình, SPC vẫn là một doanh nghiệp có vị trí nhất định trong ngành khi so sánh với các công ty khác.

Hiện nay, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có nhiều công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch có ngành nghề hoạt động tương tự với CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong năm 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

MCK	Tên	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
SPC	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	105.300	640.467	1.138.126	37.001
LTG	CTCP Tập đoàn Lộc Trời	805.933	6.921.642	7.505.793	368.743
HAI	CTCP Nông dược H.A.I	1.826.828	2.923.027	531.203	5.924
VFG	CTCP Khử trùng Việt Nam	320.889	1.839.713	1.883.771	163.371
VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	244.608	506.410	507.882	13.720
BT1	CTCP Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương	52.500	190.136	331.430	11.063
CPC	CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ	43.031	127.775	191.835	10.330

Nguồn: BCTC năm 2020 của SPC, BT1, HAI, VPS, LTG, VFG, HAI và CPC

Tại thời điểm 31/12/2020, quy mô vốn điều lệ của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đạt 105,3 tỷ đồng; thuộc nhóm bình quân khi so với các doanh nghiệp khác, cao hơn BT1 và CPC; thấp hơn VPS, VFG, LTG, HAI. Xét về tổng tài sản, tại ngày 31/12/2020, SPC cũng thuộc nhóm bình quân khi so với các doanh nghiệp khác, thấp hơn so với HAI, LTG và VFG, cao hơn so với BT1, CPC và có quy mô tương đương với VPS. Hai phân tích trên cho thấy, SPC sử dụng đòn bẩy nợ (so với tổng tài sản) thuộc nhóm bình quân trong nhóm các doanh nghiệp được so sánh.

Về hiệu quả hoạt động, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế cả năm 2020 của SPC đạt giá trị lần lượt là 1.138,12 và 37 tỷ đồng, chỉ thấp hơn LTG, VFG và cao hơn nhiều so với các chỉ số của BT1, HAI, VPS và CPC. Như vậy, tuy với quy mô tài sản và vốn ở mức bình quân trong nhóm, SPC lại có kết quả hoạt động kinh doanh tích cực hơn.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với lợi thế sẵn có cùng chiến lược phát triển ngành nông nghiệp của Việt Nam, trong tương lai, ngành nông nghiệp nói chung và ngành thuốc bảo vệ thực vật nói riêng vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế và đầy triển vọng của Việt Nam. Do đó, phạm vi hoạt động hiện tại của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại thời điểm 30/09/2021

Phân loại theo trình độ lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
+ Đại học và trên Đại học	214	45,5%
+ Cao đẳng	27	5,7%
+ Trung cấp	20	4,3%
+ Lao động phổ thông	209	44,5%
Tổng cộng	470	100%

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Lao động thường xuyên chỉ áp dụng cho số lao động có công việc làm thường xuyên, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm sâu, cần đào tạo kỹ. Số lao động và công việc kỹ thuật tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm thay thế Công ty chuyển sang sử dụng các dịch vụ xã hội hoặc lao động thời vụ.

Chế độ làm việc

- Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động mà có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn. Các chính sách đối với người lao động được thực hiện và tuân thủ theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước. Giờ làm việc tại Công ty là 44 giờ/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập,

nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho Công ty.

- **Về tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

- **Về đào tạo:** đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm tại nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của

nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Phòng Nhân sự Hành chính và Hội đồng lương Công ty đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

- Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty từ năm 2018 đến năm 2020 như sau:

ĐVT: Đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân	12.786.598	12.741.683	12.045.572

Nguồn: SPC

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Như vậy, Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Tình hình chi trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Vốn điều lệ thực góp (đồng)	105.300.000.000	105.300.000.000

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền:	17%	17%
- Đợt 1:	7% (Đã trả cổ tức)	7% (Đã trả cổ tức)
- Đợt 2:	10% (Đã trả cổ tức)	10% (Chưa trả cổ tức)

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

- (1) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 22/05/2020, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2019 là 17% mệnh giá cổ phần chia thành 2 đợt. Trong đó, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 là 7% bằng tiền theo Nghị quyết số 03/NQ-BVTVSG-HĐQT ngày 24/02/2020, đợt 2 là 10% bằng tiền theo Nghị quyết số 22/NQ-BVTVSG-HĐQT ngày 23/10/2020.
- (2) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 09/04/2021, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2020 là 17% mệnh giá cổ phần chia thành 2 đợt. Trong đó Công ty đã trả cổ tức đợt 1 là 7% bằng tiền vào ngày 29/03/2021 theo Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-BVTVSG-HĐQT ngày 03/02/2021.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 25
2	Máy móc thiết bị	03 – 10
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 09

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08
5	Tài sản cố định khác	05 – 06
6	Quyền sử dụng đất	50
7	Phần mềm quản lý	03
8	Bản quyền, bằng sáng chế	05
9	Nhà cửa và vật kiến trúc (Bất động sản đầu tư)	15

Nguồn: SPC.

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Trong năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Công ty có các khoản nộp phạt hành chính liên quan đến việc quyết toán thuế do hoạt động kinh doanh của Công ty thường có các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng bị loại trừ khi tính thuế như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng 2021
1	Khoản phạt hành chính	423	149	817
@	TỔNG CỘNG	423	149	817

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2021 của SPC

Các khoản nộp phạt hành chính nêu trên đã được Công ty đã thanh toán đầy đủ theo từng năm như sau: Năm 2019 đã hoàn tất thanh toán 423.325.338 đồng, năm 2020 đã hoàn tất thanh toán 148.589.133 đồng, 09 tháng đầu năm 2021 đã hoàn tất thanh toán 816.879.908 đồng.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành, căn cứ BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	525	377	151
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.063	2.216	2.524
3	Thuế thu nhập cá nhân	672	327	314
4	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	0	0	854

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
5	Các loại thuế khác	71	1.501	0
@	TỔNG CỘNG	6.331	4.421	3.842

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2019; 31/12/2020 và 30/09/2021 theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.358	63	56
2	Quỹ đầu tư phát triển	42.167	49.966	57.629
@	TỔNG CỘNG	48.525	50.029	57.704

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC

11.1.5. Tổng dư nợ vay

- Tổng dư nợ vay của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Nợ vay ngắn hạn	124.789	143.761	99.283
(1)	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	7.606	17.075	17.254
(2)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM	49.149	26.664	14.841
(3)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Tp.HCM	39.943	68.213	41.062
(4)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – PGD Mộc Hoá – Chi nhánh 1 Long An	11.466	22.736	11.439
(5)	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	6.713	3.064	5.305

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
(6)	Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Limited Company – Chi nhánh Tp.HCM	9.842	5.939	-
(7)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An	0	0	9.312
(*)	Vay cá nhân	70	70	70
2	Nợ vay dài hạn đến hạn trả	1.782	2.465	2.465
(8)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM	1.316	1.549	1.549
(9)	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	466	916	916
3	Nợ vay dài hạn	6.410	4.860	4.494
(8)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM	6.410	4.860	3.741
(9)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	753
4	Nợ thuê tài chính dài hạn	1.049	2.193	1.735
(10)	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.049	2.193	2.421
@	TỔNG CỘNG	134.030	153.279	106.242

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC

(*) Công ty có các khoản vay đối với cá nhân, mục đích để bổ sung vốn lưu động, như sau:

Stt	Cá nhân cho vay	Lãi suất vay	Số tiền vay (đồng)	Hình thức đảm bảo
1	Nguyễn Quốc Dũng	8%/năm	54.000.000	Tín chấp
2	Trần Quốc Vương	8%/năm	4.000.000	Tín chấp
3	Tòng Văn Mười	8%/năm	10.000.000	Tín chấp
4	Ngô Vương Thịnh	8%/năm	2.000.000	Tín chấp
@	Tổng cộng		70.000.000	

Nguồn: SPC

Chi tiết về các khoản vay ngân hàng và nợ thuê tài chính của Công ty:

STT	Văn bản cấp tín dụng	Hạn mức (triệu VNĐ)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Thỏa thuận số VNM 157804 ngày 07/01/2020	1.350 (và 7.000.000 USD)	Tài trợ tiện ích nhập khẩu và thẻ tín dụng HSBC	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Hàng tồn kho và cầm cố tiền gửi
2	Hợp đồng số 1700-LAV-202000764 ngày 18/11/2020	73.000	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thuốc BVTV và các mặt hàng khác	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
3	Hợp đồng số 051/2020-HĐCVHM/NHCT92 ngày 24/02/2020	150.000	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền tài sản, quyền sử dụng đất, hàng tồn kho
4	Hợp đồng số 1967/2019-HĐCVHM/NHCT700-MJC ngày 07/06/2019 và Phụ lục I đính kèm	45.000	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, bách hoá tổng hợp, vật tư nông nghiệp	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Long An
	Hợp đồng số 2199.0007/2021-HĐCVHM/NHCT700-MJC ngày 05/03/2021 (Thay thế Hợp đồng số 1967/2019-HĐCVHM/NHCT700-MJC ngày 07/06/2019)	40.000				

STT	Văn bản cấp tín dụng	Hạn mức (triệu VNĐ)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo tiền vay
5	Văn bản số 969/2020/5778006/HĐTD ngày 16/06/2020 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 383/2014/5778006 ngày 28/04/2014	80.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Tín chấp
	Hợp đồng số 1255/2021/5778006/HĐTD ngày 30/06/2021 (Thay thế Văn bản số 969/2020/5778006/HĐTD và Hợp đồng số 383/2014/5778006)	70.000				
6	Hợp đồng số HDTD.010/SCB.HCM/2019 ngày 02/08/2019	4.000.000 (USD)	Mua hoặc nhập khẩu hàng hoá kinh doanh, bảo lãnh mở L/C	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
7	Hợp đồng số 01/CV/0007/KHDN/21LD ngày 05/05/2021	10.000	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, bách hoá tổng hợp, vật tư nông nghiệp	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	QSDĐ, công trình cửa hàng kinh doanh bia và khách sạn tại Long An; Tất cả quyền tài sản phát sinh từ HĐ kinh doanh thương mại; Số dư tài khoản tiền gửi.

STT	Văn bản cấp tín dụng	Hạn mức (triệu VNĐ)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo tiền vay
8	Hợp đồng số 1700-LAV-201701181 (kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 06/12/2018)	11.700	Xây dựng nhà kho thành phẩm tại KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TPHCM	84 tháng	8%/năm	Tài sản hình thành trong tương lai
9	Hợp đồng cho thuê tài chính số 2018-00012-000 ngày 23/02/2018	3.322,35	Cho thuê tài chính xe ô tô	Theo lịch trả nợ	/	/
	Hợp đồng cho thuê tài chính số 2020-00095-000 ngày 21/07/2020	3.208,21	Cho thuê tài chính xe ô tô	Theo lịch trả nợ	/	/

Chi tiết về khoản nợ thuê tài chính của Công ty:

STT	Bên cho thuê	Tài sản thuê	Tổng giá trị (triệu VNĐ)	Thời hạn thanh toán
1	Công ty TNHH	Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT	3.322	Theo lịch trả nợ
2	Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	Xe Ford Everest Ambiente 2.0L MT Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT 02 Xe Ford Ranger 4x4 XL MT	3.208	Theo lịch trả nợ

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

– Chi phí trả trước theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.287	1.013	406
1	Công cụ, dụng cụ xuất dùng	354	372	235

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
2	Chi phí bảo hiểm	355	257	-
3	Chi phí thuê kho	493	247	-
4	Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	-	-
5	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	84	138	171
II	Chi phí trả trước dài hạn	17.741	15.798	15.045
1	Chi phí cải tạo đất thuê	457	398	372
2	Công cụ, dụng cụ xuất dùng	233	193	176
3	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.465	1.174	866
4	Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	14.405	13.941	13.592
5	Chi phí trả trước dài hạn	179	93	39
@	TỔNG CỘNG	19.028	16.812	15.451

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất bán niên quý III năm 2021 của SPC.

(*) Khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1-C2 tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và CTCP Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27/06/2005.

– Các khoản phải thu theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	151.572	169.454	128.854
1	Phải thu khách hàng ^{(1), (2)}	150.819	161.026	123.353
2	Trả trước cho người bán ⁽²⁾	7.160	6.227	12.428
3	Các khoản phải thu khác ⁽¹⁾	22.508	19.778	11.770
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ⁽¹⁾	(28.915)	(17.576)	(18.697)
II	Các khoản phải thu dài hạn	1.348	5.955	1.754

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Ký cược, ký quỹ	1.348	5.955	1.754
@	TỔNG CỘNG	152.920	175.410	136.608

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Chi tiết về các khoản phải thu ngắn hạn như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
I	Phải thu khách hàng	150.819	(25.166)	161.026	(13.268)	123.353	(14.390)
1	Đại lý Võ Hoàng Dũng	1.892	-	8.567	-	-	-
2	Đặng Văn Lâm	1.559	-	6.082	-	142	-
3	Đại lý Sear Kim Sru	1.922	-	6.527	-	8.257	-
4	Cty Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336	(5.336)	-	-	-	-
5	Đại lý Phạm Thu Hà	4.733	(4.733)	-	-	-	-
6	Đào Ngọc Long ⁽¹⁾	2.025	-	1.625	-	1.625	-
7	Đại lý Lim Kuon Heng					2.969	
8	Đại lý Chhun Hong					3.650	
9	Các đối tượng khác	133.352	(15.097)	138.225	(13.268)	106.710	(14.390)
II	Trả trước người bán	7.160	(160)	6.227	(580)	12.428	(580)
1	Trả trước tiền nhận CN QSDĐ ⁽²⁾	3.726	-	3.726	-	3.726	-
2	Cty Thương mại – Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	1.122	-	-	-	-	-
3	Cty Thương mại & Dịch vụ PCCC	-	-	920	-	-	-
4	Công ty TNHH Quốc tế Unilever	-	-	-	-	1.786	-
5	Công ty CP Uniben	-	-	-	-	1.038	
6	Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	-	-	-	-	831	

Stt	Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7	Zhejiang Yongnong Chem.Ind.Co.,Ltd	-	-	-	-	1.444	
8	Micron Sprayers Limited	-	-	-	-	1.129	
9	Các đối tượng khác	2.312	(160)	1.580	(580)	2.474	(580)
III	Phải thu khác	22.508	(3.588)	19.778	(3.728)	11.770	(3.727)
1	Nguyễn Văn Giúp ⁽³⁾	3.486	(3.486)	3.486	(3.486)	3.486	(3.486)
2	Phải thu lãi tiền gửi	28	-	26	-	-	
3	Tạm ứng	2.225	-	1.058	-	2.121	
4	Ký quỹ, ký cược	315	-	169	-	164	
5	Phải thu khuyến mãi	3.258	-	-	-	-	
6	Thuế GTGT được hoàn ⁽⁴⁾	9.279	-	9.052	-	-	
7	Phải thu HTKD ⁽⁵⁾	2.098	-	2.084	-	2.110	
8	Phải thu khác	1.819	(103)	3.903	(242)	3.890	(241)
@	Tổng cộng	180.487	(28.914)	187.031	(17.576)	147.551	(18.697)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Căn cứ vào thời hạn thanh toán các khoản nợ phải thu, Công ty sẽ thực hiện trích lập dự phòng do các khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Ghi chú:

(1) Đây là khoản công nợ phải thu phát sinh tại một công ty con. Đến thời điểm hiện nay, Công ty con này đang nắm giữ quyền sử dụng đất bao gồm 35.340 m² (gồm 80m² đất ở tại nông thôn và 35.260 m² đất chuyên trồng lúa nước), Hội đồng quản trị Công ty này cũng đã ủy quyền giao cho Giám đốc Công ty đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất theo biên bản phân công người quản lý tài sản của Công ty ngày 01/04/2015 và ngày 11/12/2017. Đây là toàn bộ diện tích đất được Đại lý Đào Ngọc Long chuyển nhượng đề nghị cần trừ nợ.

- (2) CTCP Thương mại Mộc Hóa trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các khu đất nông nghiệp cho các hộ nông dân (các cá nhân này không có mối quan hệ với Công ty). Theo Nghị quyết HĐQT số 30/NQ-BVTVSG-HĐQT ngày 18/10/2019 của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Nghị quyết HĐQT số 36/NQ-HĐQT ngày 29/10/2019 của CTCP Thương mại Mộc Hóa (công ty con của SPC) đã thống nhất giao ông Nguyễn Văn Bé Hai (Giám đốc điều hành của CTCP Thương mại Mộc Hóa) đứng tên quyền sử dụng đất nông nghiệp (tổng diện tích 47.433 m²) thay cho CTCP Thương mại Mộc Hóa. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được Công ty nắm giữ. Thông tin các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Stt	Cá nhân chuyển nhượng	Giấy CN QSDĐ	Diện tích đất
1	Nguyễn Dân Trắng	Giấy CN QSDĐ số CT 577601 ngày 23/12/2019 do Sở TN&MT Long An cấp	2.611 m ²
2	Trương Anh Hòa	Giấy CN QSDĐ số CT 577548 ngày 16/12/2019 do Sở TN&MT Long An cấp	13.299 m ²
3	Nguyễn Thị Lụa	Giấy CN QSDĐ số CV 174211 ngày 06/03/2020 do Sở TN&MT Long An cấp	8.869 m ²
4	Trương Anh Văn	Giấy CN QSDĐ số CV 174212 ngày 06/03/2020 do Sở TN&MT Long An cấp	22.654 m ²
	Phạm Thị Quyên		
	Lê Thành Phước		
	Tổng cộng		47.433 m²

Nguồn: SPC

- (3) Khoản phải thu đối với ông Nguyễn Văn Giúp là khoản tiền được ông Nguyễn Văn Giúp (nhân viên kinh doanh của Công ty) thực hiện thu tiền bán hàng tại Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường và Cơ sở sản xuất Nước Việt. Khoản tiền này không được ông Nguyễn Văn Giúp nộp lại cho Công ty nên Công ty đã trích lập dự phòng (ông Nguyễn Văn Giúp đã bị xử lý vi phạm pháp luật theo hình thức phạt tù).
- (4) Trong năm 2019 và năm 2020, Công ty có các khoản thuế GTGT được hoàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 146/2017/NĐ-CP lần lượt là 9.278.649.971 đồng (đã được hoàn cho Công ty trong năm 2019) và 9.052.017.762 đồng (đã được hoàn cho Công ty trong năm 2020).

(5) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh tại CTCP Thương mại Mộc Hóa, bao gồm:

- Khoản góp vốn liên doanh vào Hộ kinh doanh Shopping Center Kiến Tường theo Hợp đồng liên doanh số 02.2013/HĐLD ngày 19/08/2013 và Phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/PLHĐ.2014 ký ngày 01/12/2014, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHĐ.2020 ký ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 982.111.721 đồng. Mục đích kinh doanh bách hóa, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.
- Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt theo Hợp đồng liên doanh số 2.2015/HĐLD ngày 15/10/2015, Phụ lục hợp đồng số 01.2016/PLHĐ ký ngày 01/12/2016, Phụ lục Hợp đồng số 02.2020/PLHĐ ký ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 1.127.460.781 đồng. Mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

– Các khoản phải trả theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I	Nợ ngắn hạn	364.527	390.214	388.360
1	Phải trả người bán ⁽¹⁾	185.690	199.236	246.101
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.750	299	479
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	6.332	4.420	3.842
4	Phải trả người lao động	20.740	20.286	11.336
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.419	4.193	246.101
6	Các khoản phải trả khác ⁽²⁾	12.665	15.488	24.799
7	Vay và nợ ngắn hạn	126.573	146.227	101.748
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.358	63	56
II	Nợ dài hạn	15.047	12.771	10.613
1	Phải trả dài hạn khác <i>(Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn)</i>	2.831	2.619	2.619
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.459	7.053	5.613
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.757	3.099	2.381
@	TỔNG CỘNG	379.574	402.985	398.973

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

(1) Theo thuyết minh tại Mục V.17 của BCTC kiểm toán năm 2020 (hợp nhất và riêng), Mục V.14 BCTC quý 3 năm 2021 (hợp nhất và riêng), chi tiết khoản phải trả người bán ngắn hạn bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên đối tác	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Eastchem Co., Ltd.	14.713	52.016	18.682
Kolon Global Corp.	15.536	20.538	20.570
UPL Management	0	19.537	0
Lier Chemical Co., Ltd.	0	14.645	0
Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	13.355	9.245	8.497
East Chem Co., Ltd.	0	7.405	0
Novatic Chem Co., Ltd.	59.703	0	0
Jiangsu Sinamyang International	20.707	69.815	18.358
Công ty CP Bao bì nhựa Thành Phát	0	0	6.069
Công ty TNHH UPL Việt Nam	0	0	2.484
Xiamen C&D Chemical Co.,Ltd	0	0	10.218
Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd	0	0	10.103
Yongnong Biosciences Co.,Ltd	0	0	6.334
Zhejiang Chemicals Import&Export Corporation	0	0	11.114
Các đối tượng khác	61.677	75.850	59.025
TỔNG CỘNG	185.691	199.236	246.101

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

(2) Chi tiết các khoản phải trả khác:

Stt	Khoản phải trả	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1.	Tài sản thừa chờ giải quyết	145.765.018	-	-
2.	Kinh phí công đoàn	211.604.084	133.410.580	260.662.057
3.	Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	44.817.711	-	1.302.263.833

Stt	Khoản phải trả	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
4.	Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.262.510.650	2.512.123.956
5.	Phải trả về chương trình bán hàng (*)	5.605.968.996	8.165.782.544	8.992.808.677
6.	Phải trả lãi ký quỹ	151.031.762	113.496.340	131.982.037
7.	Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển	256.521.730	87.036.254	65.829.593
8.	Phải trả chiết khấu thanh toán (**)	1.244.164.918	233.293.169	467.609.010
9.	Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	230.599.358	333.462.145	945.828.736
10.	Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	3.929.108.665	3.108.505.936	8.409.263.565
11.	Phải trả về hợp tác kinh doanh (***)	430.026.089	1.049.777.507	1.076.358.729
12.	Công ty CP Vật tư TH &PB Hóa Sinh	-	425.000.000	425.000.000
13.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	415.280.840	576.043.675	209.092.078
	Tổng cộng	12.664.889.171	15.488.318.800	24.798.822.271

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Thuyết minh các khoản phải trả như sau:

(*) Phải trả về chương trình bán hàng: Đây là khoản phải trả liên quan đến việc chiết khấu thương mại do Công ty giảm giá bán niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, nhằm xúc tiến việc bán hàng của Công ty.

(**) Phải trả chiết khấu thanh toán: Đây là khoản phải trả liên quan đến việc Công ty giảm trừ khoản tiền cho khách hàng khi thanh toán trước hạn theo hợp đồng.

(***) Phải trả về hợp tác kinh doanh: Các khoản phải trả cho các Bên liên doanh (Shopping Center Kiến Tường và Cơ sở sản xuất Nước Việt) do khoản tiền phát sinh từ việc bán hàng – thu tiền của CTCP Thương mại Mộc Hóa phải trả cho các Bên liên doanh trong quá trình kinh doanh.

11.1.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thành phẩm	203.885	172.502	185.923
2	Nguyên liệu, vật liệu	79.654	112.426	150.611
3	Hàng hoá	57.597	47.687	29.742
4	Hàng mua đang đi đường	11.288	12.283	-
5	Công cụ, dụng cụ	311	296	390
6	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88	136	9
7	Hàng gửi đi bán	21	-	-
8	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.142)	(8.705)	(6.902)
	- Thành phẩm	(6.798)	(8.154)	(6.533)
	- Hàng hoá	(344)	(551)	(369)
@	TỔNG CỘNG	345.702	336.625	359.774

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, thành phẩm và hàng hóa cho hoạt động kinh doanh thương mại. Giá trị hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 336,63 tỷ đồng, giảm 2,63% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2019 (345,70 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bị loại ra khỏi danh mục theo quy định đã được Công ty tiêu thụ trong năm 2020, công tác nhập khẩu nguyên vật liệu cũng được Công ty siết chặt, phù hợp hơn với năng suất sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, Công ty đã rà soát, cải tiến vật tư, bao bì mang tính đồng nhất cho sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh, giảm thiểu tối đa tồn kho.

Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập do hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ (hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng bị hư hỏng). Các hàng tồn kho là hoá chất sẽ được Công ty thuê bên thứ ba để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên – Môi trường về xử lý chất thải nguy hại. Các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý.

Tại thời điểm 30/09/2021, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 359,77 tỷ đồng tăng 6,88% so

với thời điểm 31/12/2020 (336,63 tỷ đồng), chủ yếu là do lo ngại về tình hình dịch bệnh Covid - 19 bùng phát trở lại gây ảnh hưởng đến sản lượng đầu ra nên Công ty chỉ thực hiện dự trữ lượng hàng tồn kho vừa phải, không quá biến động để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trước những diễn biến tiêu cực.

11.1.8. Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.093	-
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	5.093	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
@	TỔNG CỘNG	-	5.093	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 5.093.254.795 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với lãi suất 5%/năm. Thời điểm tất toán khoản tiền gửi nêu trên trong tháng 5/2021 (Số tiền 3.093.254.795 đồng tất toán ngày 11/05/2021, số tiền 2.000.000.000 đồng tất toán ngày 18/05/2021).

11.1.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa, vật kiến trúc được Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn – Lào (Công ty con của SPC) xây dựng trên đất thuê với diện tích xây dựng là 870 m² (đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn 30 năm từ năm 2006 đến năm 2036. Thông tin lô đất được trình bày tại Phần 11.4, số thứ tự 10).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1.	Nguyên giá	4.195	3.915	3.915
2.	Giá trị còn lại	1.777	1.398	1.235
3.	% GTCL/Nguyên giá	42,36%	35,70%	31,54%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,50	1,48
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,56	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,63
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,65	1,70
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	2,63	2,59
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	1,85	1,82
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ LNST/Doanh thu thuần	%	3,21	3,25
+ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,10	16,30
+ LNST/Tổng tài sản bình quân	%	5,95	5,92
+ LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,56	4,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của SPC.

11.3. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

- **Shopping Center Kiến Tường:** là khoản góp vốn liên doanh của CTCP Thương mại Mộc Hóa (Công ty con của SPC) vào Hộ kinh doanh Shopping Center Kiến Tường theo Hợp đồng liên doanh số 02.2013/HDLĐ ngày 19/08/2013, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHĐ.2014 ngày 01/12/2014, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHĐ.2020 ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 1.008.004.650 đồng (tính đến thời điểm 31/12/2020) và 982.111.721

đồng (tính đến thời điểm 30/09/2021). Mục đích kinh doanh bách hóa tổng hợp (Nước tương, nước chấm, gia vị, mì, bột giặt, sữa, tã, ...), phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

- **Cơ sở sản xuất Nước Việt:** là khoản góp vốn liên doanh của CTCP Thương mại Mộc Hóa (Công ty con của SPC) vào Cơ sở sản xuất Nước Việt theo Hợp đồng liên doanh số 2.2015/HDLĐ ngày 15/10/2015, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHĐ.2016 ngày 01/12/2016, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 02/PLHĐ.2020 ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 1.101.567.852 đồng (tính đến thời điểm 31/12/2020) và 1.127.460.781 đồng (tính đến thời điểm 30/09/2021). Mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

Cụ thể, các giao dịch phát sinh trong năm tài chính (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính (các khoản phải thu, phải trả) như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ ⁽¹⁾	2.010	288	136
- Shopping Center Kiến Tường	1.988	286	124
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	22	2	12
Phải thu khách hàng ngắn hạn ⁽¹⁾	6	27	49
- Shopping Center Kiến Tường	5	25	47
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	1	2	2
Phải trả người bán ngắn hạn ⁽²⁾	176	-	11
- Shopping Center Kiến Tường	176	-	-
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	-	-	11
Phải trả khác ⁽³⁾	430	1.050	1.076
- Shopping Center Kiến Tường	65	429	477
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	364	621	599

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

Ghi chú:

- (1) Doanh thu và khoản phải thu phát sinh từ việc bán hàng của CTCP Thương mại Mộc Hóa cho các Bên liên doanh gồm các mặt hàng tiêu dùng bách hóa tổng hợp như:

Nước tương, nước chấm, gia vị, mì, bột giặt, sữa, tả, ... (Shopping Center Kiến Tường);
bán nhiên liệu xăng dầu (Cơ sở sản xuất Nước Việt);

(2) Khoản phải trả của CTCP Thương mại Mộc Hóa do thực hiện mua hàng từ các Bên liên doanh như: Mua các vật dụng, văn phòng phẩm, quà tặng,... (Shopping Center Kiến Tường); nước uống đóng chai (Cơ sở sản xuất Nước Việt);

(3) Các khoản tiền phát sinh từ việc bán hàng – thu tiền của CTCP Thương mại Mộc Hóa phải trả cho các Bên liên doanh trong quá trình kinh doanh.

11.4. Các bất động sản mà công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Tên khu đất	Quyền sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sở hữu	Thời hạn sử dụng
1	Trụ sở Công ty	Giấy CN QSDĐ số A556842 do UBND Tp.HCM cấp ngày 16/10/2000	Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P Tân Thuận Đông, Q.7, Tp.HCM	7.720,8	Thuê đất, trả tiền hàng năm	01/2000 đến 01/2046 (46 năm)
2	Nhà máy sản xuất	Giấy CN QSDĐ số BB 694447 do UBND Tp.HCM cấp ngày 04/10/2010.	Lô C1- C3 Khu Công Nghiệp Hiệp Phước Huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh	42.123	Thuê đất, trả tiền thuê đất một lần	12/2010 đến 12/2048 (38 năm)
3	Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	Giấy CN QSDĐ số AC 791796 do UBND TP.Đà Nẵng cấp ngày 27/12/2005.	Quốc Lộ 1A, Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang TP.Đà Nẵng	600	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài
4	Văn phòng Chi nhánh Gia Lai.	Hợp đồng thuê đất số 83/HĐTĐ ngày 29/11/2005 giữa SPC và Ủy Ban nhân dân tỉnh Gia Lai	15 Trường Chinh, P. Trà Bá, Tp. Pleiku, Gia Lai	10.690	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	11/2004 đến 11/2054 (50 năm)
5	Văn phòng Chi nhánh Cần Thơ	Hợp đồng thuê đất số 124/HĐTĐ ngày 22/09/2006 giữa SPC và Công ty XD Hạ Tầng KCN Cần Thơ và Phụ lục hợp đồng thuê đất ngày 02/10/2010	Lô 30A3&2 Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Q.Bình Thủy,TP Cần Thơ	3.640,5	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	10/2006 đến 10/2045 (39 năm)

Stt	Tên khu đất	Quyền sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sở hữu	Thời hạn sử dụng
6	Văn phòng Chi nhánh Long An.	Giấy CN QSDĐ số BB 196962 do UBND tỉnh Long An cấp chuyển ngày 23/04/2012	Khu phố 10 , Thị trấn Mộc Hóa, Huyện Mộc Hóa Tỉnh Long An	12.363	Giao đất trả tiền thuê đất một lần	04/2011 đến 04/2061 (50 năm)
7	Văn phòng Chi nhánh Long An.	Giấy CN QSDĐ số BH 703184 do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 27/12/2011	Khu phố 10 , Thị trấn Mộc Hóa, Huyện Mộc Hóa Tỉnh Long An	1.189	Giao đất trả tiền thuê đất một lần	Lâu dài
8	Văn phòng Chi nhánh Long An.	Giấy CN QSDĐ số BH703187 do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 27/12/2011	Khu phố 10 , Thị trấn Mộc Hóa, Huyện Mộc Hóa Tỉnh Long An	2.994	Giao đất có thu tiền sử dụng	04/2011 đến 04/2061 (50 năm)
9	Văn phòng CN Hà Nội	Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 1066/HĐ/BVTVSG/KH ĐT/2015, ngày 11/11/2013 giữa SPC với CTCP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	Số 402 Tòa nhà HH2D, Khu Đô Thị Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	162	Trả tiền 01 lần	Lâu dài
10	Cửa hàng kinh doanh	Hợp đồng thuê nhà số 041/10/HĐKH/BVTVS G/TCHC, ngày 14/01/2010 giữa SPC với Công ty quản lý KD nhà Tp.HCM	Số 22 E Phan Đăng Lưu, P6- Q. Bình Thạnh, TP. HCM	363,45	Thuê nhà, trả tiền hàng năm	Hàng năm
11	Cửa hàng kinh doanh tại Lào	Công văn số 05 ngày 03/10/2006 của Chủ tịch tỉnh Champasak về việc giao đất tại KM 21 cho Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào.	Km 21 huyện Bachieng, tỉnh Chămpasak nước CHDCND Lào	4.323	Thuê đất, trả tiền thuê hàng năm	2006 đến 2036 (30 năm)
@	Tổng cộng			86.168,75		

Nguồn: SPC.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Phượng	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)
2	Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (TV HĐQT điều hành)
3	Đặng Thanh Cường	Thành viên HĐQT (TV HĐQT độc lập)
4	Phạm Thiết Hoà	Thành viên HĐQT (TV HĐQT không điều hành)
5	Huỳnh Đức	Thành viên HĐQT (TV HĐQT không điều hành)

12.1.1. Bà Lê Thị Phượng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (TV HĐQT không điều hành)

Họ và tên: **LÊ THỊ PHƯỢNG**
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 25/12/1967
 Nơi sinh: TP.HCM
 CMND: 021831098, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 02/12/2010
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 1989	XNQD Nhựa Cao su Việt Hưng	Kế toán
1/1990 - 6/1990	HTX May Hoàng Thịnh	Kế toán
8/1990 - 3/1994	Công ty Sài Gòn Lao động thuộc Liên đoàn LĐ TP.HCM	Kế toán tổng hợp
4/1994 - 12/1994	Liên đoàn Lao động TP.HCM	NV văn thư vi tính văn phòng
1/1995 - 3/1999	Liên đoàn Lao động TP.HCM	Kế toán tổng hợp Ban Tài chính
3/1999 - 9/2004	Liên đoàn Lao động TP.HCM	Kế toán trưởng Ban Tài chính
9/2004 - 10/2010	Liên đoàn Lao động TP.HCM	Phó ban tài chính kiêm kế toán trưởng
11/2010 - 10/2014	Liên đoàn Lao động TP.HCM	UV Ban thường vụ, Trưởng Ban Tài chính
11/2014 - 01/2017	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Phụ trách chung Kiểm soát viên

08/02/2017	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên HĐQT
20/02/2017 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)

Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có.
Số CP nắm giữ:	2.245.620 cổ phiếu, chiếm 21,33% vốn điều lệ.
+ Đại diện của Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	2.245.620 cổ phiếu, chiếm 21,33% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.
+ Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.

12.1.2. Ông Nguyễn Quốc Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC DŨNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/11/1967
Nơi sinh:	TP.HCM
CMND:	021572919, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 27/12/2013
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật - Luật sư thuộc đoàn Luật sư Tp.HCM, Cao cấp Lý luận Chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 - 1986	Hợp tác xã Mành trúc xuất khẩu Trường Sơn	Xã viên

03/1986 - 09/1989	Trung đoàn Gia Định	Đi nghĩa vụ quân sự, chiến đấu tại chiến trường Campuchia
10/1989 - 10/1990	Trường Kỹ thuật công nhân Đường số 4 tại Hóc Môn	Học viên
11/1990 - 07/1993	Trường Đại học Luật TP.HCM hệ mở rộng	Học viên, làm thêm Lái xe cho tư nhân
07/1993 - 09/1994	Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn	Lái xe
10/1994 - 11/2000	Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn	Nhân viên kinh doanh
11/2000 - 09/2003	Trạm Bảo vệ thực vật - Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn	Phó Trạm – Phụ trách Trạm
09/2003 - 08/2008	Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn/Công ty TNHH MTV Bảo Vệ thực vật Sài Gòn	Phó phòng Marketing
09/2008 – 08/2009	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh
09/2009 - 03/2015	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phó giám đốc – Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị
04/2015 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên HĐQT, Giám đốc, Bí thư Đảng bộ

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên HĐQT, Giám đốc, Bí thư Đảng bộ
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021):	2.002.890 cổ phần, chiếm 19,02% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu của Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	2.000.700 cổ phần, chiếm 19% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	2.190 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.
+ Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

12.1.3. Ông Đặng Thanh Cương – Thành viên Hội đồng quản trị (TV HĐQT độc lập)

Họ và tên: **ĐẶNG THANH CƯƠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1955

Nơi sinh: Tiền Giang

CMND: 082055000099, nơi cấp: Cục cảnh sát, ngày cấp: 27/03/2017

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979 - 1985	Trung tâm BVTV phía nam - Tiền Giang	Chuyên viên
1985 - 2015	CTCP Nông dược H.A.I	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
26/04/2013 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

12.1.4. Ông Phạm Thiết Hoà – Thành viên HĐQT (TV HĐQT không điều hành)

Họ và tên: **PHẠM THIẾT HOÀ**

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 09/07/1965
 Nơi sinh: Phú Yên
 CMND: 023778910, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 09/08/2014
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2008 – 11/2013	Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp	Giám đốc
11/2013 – 11/2015	Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh	Giám đốc
11/2015 – 12/2019	Trung tâm Xúc tiến Thương mại – Đầu tư Tp.HCM	Giám đốc
12/2019 – nay	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	Phó bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT không chuyên trách, Tổng Giám đốc
2020 – nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên HĐQT

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT không chuyên trách, Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV

Số CP nắm giữ: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.*

- + *Đại diện sở hữu của Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.*
- + *Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.*

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: 6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.

- + *Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV: 6.247.020 cổ phiếu, chiếm 59,33% vốn điều lệ.*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi phạm pháp luật: Không có.

12.1.5. Ông Huỳnh Đức – Thành viên Hội đồng quản trị (TV HĐQT không điều hành)

Họ và tên: **HUỖNH ĐỨC**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/04/1961
 Nơi sinh: Tp.HCM
 CMND: 021803624, nơi cấp: CA TP.HCM, cấp ngày: 12/12/2012
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1980 – 1985	Cơ sở Nam Ký	Phụ trách Sản xuất
1985 – 1989	Hợp tác xã Thủy tinh Phú Hoà	Phó chủ nhiệm
1989 – 2001	Cơ sở Nam Phát	Chủ cơ sở
2001 – nay	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nam Long Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2020 – nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nam Long Phát

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021): 149.035 cổ phiếu, chiếm 1,42% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 149.035 cổ phiếu, chiếm 1,42% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: 268.745 cổ phiếu, chiếm 2,55% vốn điều lệ.

+ Châu Ngọc Minh – vợ: 111.195 cổ phiếu, chiếm 1,06% vốn điều lệ.

+ Huỳnh Chấn Huy – con ruột: 16.500 cổ phiếu, chiếm 0,16% vốn điều lệ.

- + *Huỳnh Chí Toàn – con ruột: 140.050 cổ phiếu, chiếm 1,33% vốn điều lệ.*
- + *Huỳnh Yến Phương – em ruột 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi phạm pháp luật: Không có.

12.2. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Đình Vũ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên Ban kiểm soát

12.2.1. Ông Trần Đình Vũ – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH VŨ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/07/1986

Nơi sinh: Khánh Hòa

CMND: 225312849, nơi cấp: CA Khánh Hòa, ngày cấp:13/07/2013

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán, Chứng chỉ kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2007 - 03/2009	Công ty TNHH Khang Cát	Kế toán kho
04/2009	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Kế toán
05/2009 - 08/2014	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Lào	Kế toán trưởng
09/2014 - 12/2014	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Kế toán công nợ
01/2015 - 01/2016	Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước	Phụ trách kế toán

09/11/2015 - 26/01/2016	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát
27/01/2016 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021):	100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.

12.2.2. Bà Đỗ Thị Kim Anh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	ĐỖ THỊ KIM ANH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/02/1984
Nơi sinh:	Quảng Ngãi
CCCD:	051184000224, nơi cấp: Cục cảnh sát, ngày cấp: 02/3/2017
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2005 – 12/2006	Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Phú Quý	Kế toán
01/2007 – 06/2009	Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Phú Quý	Kế toán trưởng
07/2009 – 08/2013	Chi cục Phát triển Nông thôn Tp.HCM	Kế toán tổng hợp, UV BCH Công đoàn, Trưởng ban Nữ công

09/2013 – 12/2016	Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản	Kế toán tổng hợp, UV BCH Chi đoàn
01/2017 – 08/2017	Trung tâm Giống cây trồng Vật nuôi Thủy sản	Phó trưởng phòng Kế toán – Kế toán tổng hợp
09/2017 – 01/2020	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Tp.HCM	Nhân viên
02/2020 – nay	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Nhân viên phòng Kế hoạch Tài chính
2020 – nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên phòng Kế hoạch Tài chính tại Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi phạm pháp luật: Không có.

12.2.3. Bà Mai Thị Lệ Khuyên – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **MAI THỊ LỆ KHUYÊN**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/05/1968

Nơi sinh: Hưng Yên

Chứng minh nhân dân: 024638721, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 10/02/2011

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1986 – 1989	Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An	Nhân viên Kế toán Thống kê
1989 – 1991	Công ty Thủy sản Khu vực 3	Nhân viên Kế toán
1992 - 1995	Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM	Nhân viên hành chính
1996 - 09/2004	Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM	Nhân viên Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán
10/2004 – 06/2008	Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Nhân viên Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá
06/2008 – 09/2009	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Nhân viên Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá
10/2009 – 7/2012	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
04/2010 - 04/2015	CTCP Thương mại Mộc Hóa	Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát
08/2012 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng phòng Nhân sự Hành chính
06/2008 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021): 2.600 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 2.600 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi phạm pháp luật: Không có.

12.3. Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
2	Điêu Quang Trung	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc
4	Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

12.3.1. Ông Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc (Đã nêu tại mục 12.1.2)

12.3.2. Ông Điêu Quang Trung – Phó Giám đốc

Họ và tên: **ĐIÊU QUANG TRUNG**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 11/10/1978
 Nơi sinh: Tiền Giang
 CMND: 025601658, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 03/07/2014
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 – 2003	CTCP Thủy Tinh Gò Vấp	Kế toán Tổng hợp
2003 – 2004	Công ty Diginet	Phó phòng Tư vấn & Triển khai
2004 – 2007	Công ty TNHH MTV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn/CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Kế toán Tổng hợp
2007 – 2008	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phó phòng Kế toán
2008 – 2009	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng bộ phận Kế toán
2009 – 2011	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phụ trách phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng
2011 - 4/2015	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng
4/2015 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phó Giám đốc

01/2018 - nay	CTCP Thương mại Mộc Hóa	Chủ tịch HĐQT
---------------	-------------------------	---------------

Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT – CTCP Thương mại Mộc Hóa
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021):	1.610 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	1.610 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.

12.3.3. Bà Nguyễn Ngọc Bích – Phó Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN NGỌC BÍCH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	07/09/1966
Nơi sinh:	TP.HCM
CMND:	022416616, nơi cấp: CA TP.HCM, ngày cấp: 07/05/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 – 1994	Công ty Xuất nhập khẩu Nông Lâm Hải Sản TP.HCM	Nhân viên Lao động Tiền lương
1994 – 2008	Công ty Xuất nhập khẩu Nông Lâm Hải Sản TP.HCM	Phó Phòng Tổ chức – Lao động Tiền lương
2009 – 2011	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông Lâm Hải Sản TP.HCM	Trưởng Phòng Tổ chức - Lao động Tiền lương

2011 – 12/2013	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông Lâm Hải Sản TP.HCM	Trưởng Phòng Kinh doanh Dịch vụ
12/2013 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phó Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

12.3.4. Bà Bùi Thị Ánh Tuyết – Kế toán trưởng

Họ và tên: **BÙI THỊ ÁNH TUYẾT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 1976

Nơi sinh: TP.HCM

CMND: 07917601281, nơi cấp: CA Tp.HCM, ngày cấp: 02/03/2020

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2000-06/2001	Công ty TNHH Khải Nguyên	Thư ký Phòng Kinh doanh
07/2001-10/2001	Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn	Nhân viên tổng hợp sản xuất
11/2001-07/2004	Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn	Nhân viên kế toán phải thu
08/2004-06/2007	Công ty TNHH MTV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Nhân viên kế toán thanh toán

07/2007-06/2009	Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật - Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Kế toán trưởng
07/2009-10/2011	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng bộ phận kế toán
11/2011-05/2015	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Phó phòng Tài chính Kế toán
06/2015 - nay	CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng
6/2019 - nay	CTCP Thương mại Mộc Hóa	Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng Ban kiểm soát – CTCP Thương mại Mộc Hóa
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/11/2021):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau :

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	31/12/2020		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL /NG
I.	TSCĐ hữu hình	143.902	29.290	20,35%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	66.452	18.109	27,25%
2.	Máy móc và thiết bị	43.849	7.492	17,09%
3.	Phương tiện vận tải	29.803	3.613	12,12%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.525	74	2,93%
5.	Tài sản cố định khác	1.272	2	0,16%
II.	TSCĐ vô hình	9.261	5.307	57,30%
1.	Quyền sử dụng đất	8.000	5.170	64,63%
2.	Bản quyền, bằng sáng chế	535	0	0%
3.	Phần mềm máy tính	728	137	18,82%
III.	BĐS đầu tư	3.915	1.398	35,71%
@	Tổng cộng	157.078	35.995	22,92%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của SPC

Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2021 như sau :

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	30/09/2021		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL /NG
I.	TSCĐ hữu hình	147.253	27.866	18,92%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	66.452	16.388	24,66%
2.	Máy móc và thiết bị	47.201	8.315	17,62%
3.	Phương tiện vận tải	29.803	3.098	10,39%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.525	66	2,61%
5.	Tài sản cố định khác	1.272	0	0,00%
II.	TSCĐ vô hình	9.261	5.175	55,88%
1.	Quyền sử dụng đất	8.000	5.064	63,30%
2.	Bản quyền, bằng sáng chế	533	0	0,00%
3.	Phần mềm máy tính	728	110	15,11%
III.	BĐS đầu tư	3.915	1.235	31,55%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.915	1.235	31,55%
@	Tổng cộng	159.469	34.276	21,91%

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của SPC.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021 - 2022

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của đối với ngành kinh doanh cốt lõi dựa trên lợi thế cạnh tranh sẵn có của Công ty, điều kiện tự nhiên và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2021 - 2022 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021		Kế hoạch 2022	
		Giá trị	% +/- TH2020	Giá trị	% +/- KH2021
Vốn điều lệ	105.300	105.300	0%	105.300	0%
Doanh thu thuần	1.138.126	1.233.500	8,38%	1.300.000	5,39%
Lợi nhuận sau thuế	37.001	33.880	(8,43%)	42.250	24,70%
Tỷ lệ LNST/DTT	3,25%	2,75%	(0,50%)	3,25%	18,33%
Tỷ lệ LNST/VĐL	35,14%	32,17%	(2,96%)	40,12%	24,70%
Cổ tức (% mệnh giá)	17,00%	17,00%	-	17,00%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2021 và Kế hoạch dự kiến của Hội đồng quản trị Công ty cho năm 2022.

Do diễn biến của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên Công ty đặt kế hoạch kinh doanh cho năm 2021 trên cơ sở thận trọng so với năm 2020 với doanh thu là 1.233,50 tỷ đồng (tăng 8,38% so với doanh thu thuần năm 2020) và lợi nhuận sau thuế là 33,88 tỷ đồng (giảm 8,43% so với lợi nhuận sau thuế năm 2020 do tình hình dịch bệnh sẽ khiến cho chi phí hoạt động của Công ty tăng cao).

Trong 9 tháng đầu năm 2021, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trong 9 tháng đầu năm của Công ty đạt lần lượt 833,45 tỷ đồng (hoàn thành 67,57% kế hoạch doanh thu năm 2021) và 15,26 tỷ đồng (hoàn thành 45,05% kế hoạch lợi nhuận năm 2021).

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh thận trọng cho năm 2021 và kết quả đã đạt được trong 9 tháng đầu năm 2021, Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành 80-90% kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

14.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Để thực hiện được các mục tiêu như kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã có các chỉ đạo về phương hướng điều hành và hoạt động sản xuất như sau:

✚ Giải pháp trong lĩnh vực SXKD:

- Tập trung trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới nhằm thay thế sản phẩm bị loại bỏ khỏi danh mục thuốc BVTV theo quy định của Nhà nước, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, các sản phẩm phục vụ nông nghiệp đô thị...
- Tiếp tục củng cố bộ sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các thị trường tiềm năng còn bỏ ngỏ.
- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất các sản phẩm truyền thống, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và tăng tính năng cạnh tranh của sản phẩm, đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo động lực tăng năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị hiện đại để làm tốt công tác bảo vệ môi trường như: hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải đặc biệt độc hại và xử lý khí thải.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tổ chức các sự kiện như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, hội thảo thương mại kết hợp du lịch nghỉ dưỡng. Ngoài ra, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng.
- Có kế hoạch linh hoạt dự trữ nguồn nguyên liệu để tránh sự biến động của giá cả thị trường.
- Tham gia đầy đủ các chính sách, hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương, làm tốt công tác xã hội, từ thiện góp phần xây dựng cộng đồng văn minh sạch đẹp.

✚ Công tác tài chính:

- Thực hiện các giải pháp quản lý an toàn tài chính, tối đa hoá việc sử dụng vốn, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản trị tài chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.

✚ Công tác quản trị nhân lực:

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp vùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị.

- Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý, tập hợp các các bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.
- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, người có chuyên môn, có trình độ năng lực, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty .
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp; mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý.
- Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, linh hoạt. Xem khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

✚ Các công tác khác:

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch từng năm được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản điều hành, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường cho cổ đông và công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Với đà phát triển liên tục và ổn định, chiến lược hoạt động dựa trên những thế mạnh sẵn có của SPC, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành còn khá lớn, Chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mã chứng khoán:** SPC
3. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 10.530.000 cổ phiếu
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết:**

Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cam kết giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định trên với chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
1	Lê Thị Phượng	Chủ tịch HĐQT	0	0	0
2	Đặng Thanh Cương	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.190	2.190	1.095

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP cam kết năm giữ trong vòng 6 tháng	SLCP cam kết năm giữ trong vòng 1 năm
4	Phạm Thiết Hoà	Thành viên HĐQT	0	0	0
5	Huỳnh Đức	Thành viên HĐQT	149.035	149.035	74.518
6	Trần Đình Vũ	Trưởng BKS	100	100	50
7	Lương Thanh Huyền	Thành viên BKS	0	0	0
8	Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên BKS	2.600	2.600	1.300
9	Điêu Quang Trung	Phó Giám đốc	1.610	1.610	805
10	Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc	0	0	0
11	Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng	0	0	0
12	Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn	6.247.020	6.247.020	3.123.510
@	TỔNG CỘNG		6.402.555	6.402.555	3.201.278

Nguồn: CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
1	Vốn chủ sở hữu (đồng)	230.426.375.570	237.482.477.338
2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đồng)	10.654.472.534	10.590.499.518
3	SLCP lưu hành (cổ phiếu)	10.530.000	10.530.000
4	Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	20.871	21.547

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của SPC.

6.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo 03 phương pháp sau đây:

1. Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu);
2. Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phiếu);
3. Phương pháp giá giao dịch bình quân.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Đối với phương pháp so sánh (P/B và P/E), chúng tôi sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, có cùng ngành nghề hoạt động với CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để làm cơ sở so sánh. Theo đó, cơ sở để lựa chọn các công ty thực hiện so sánh như sau:

1. Tương đồng về ngành nghề hoạt động: Sản xuất, chế biến hoá chất bảo vệ thực vật.
2. Đang niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
3. Có đủ dữ liệu so sánh.

a. Phương pháp so sánh P/B

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá trị sổ sách của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại thời điểm gần nhất (BV_{SPC}) và chỉ số giá trên giá trị sổ sách tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành ($P/B_{\text{tham chiếu}}$). $P/B_{\text{tham chiếu}}$ được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách của các công ty cùng ngành hiện đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại một thời điểm xác định.

$$\text{Giá trị cổ phiếu SPC} = BV_{SPC} \times P/B_{\text{tham chiếu}}$$

b. Phương pháp so sánh P/E

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ thu nhập trên mỗi cổ phiếu của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại năm gần nhất (EPS_{SPC}) và chỉ số giá trên thu nhập mỗi cổ phiếu tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành ($P/E_{\text{tham chiếu}}$). $P/E_{\text{tham chiếu}}$ được tính dựa trên mức giá đóng cửa và thu nhập trên mỗi cổ phiếu của các công ty cùng ngành hiện đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Tp.HCM và SGDCK Hà Nội tại một thời điểm xác định.

$$\text{Giá trị cổ phiếu SPC} = EPS_{SPC} \times P/E_{\text{tham chiếu}}$$

c. Phương pháp giá giao dịch bình quân

Phương pháp giá giao dịch bình quân dựa trên giá tham chiếu của chính cổ phiếu SPC đang được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM tính bình quân trong 20 phiên giao dịch liên tiếp trước ngày hủy đăng ký giao dịch theo công thức như sau:

$$\text{Giá trị cổ phiếu SPC} = \frac{\text{Tổng giá tham chiếu của cổ phiếu SPC trong 20 phiên giao dịch liên tiếp trước ngày hủy đăng ký giao dịch}}{20}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá nêu trên và một số phương pháp phù hợp khác, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu phù hợp tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm ngành kinh doanh lý hành nội địa và quốc tế (mã ngành 7912). Theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021, ngành kinh doanh dịch vụ lý hành thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Tại Khoản 25 Mục A của Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Do đó, Công ty đã nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận tại Công văn số 2846/UBCK-PTTT ngày 14/06/2021. Theo Công văn số 2846/UBCK-PTTT ngày 14/06/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn là 0%.

Tại thời điểm 05/11/2021, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại Công ty 953.730 cổ phần, chiếm 9,06% số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty. Để giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện nay về mức tối đa 0% nêu trên, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đã thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thể mua thêm cổ phiếu của Công ty và chỉ được bán bớt cổ phiếu để giảm dần tỷ lệ sở hữu nước ngoài về mức tối đa 0% theo quy định.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng,.... phụ thuộc vào lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể:

1. Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ;

2. Thuế nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan;
3. Thuế đất: Công ty đóng thuế sử dụng đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương;
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất là 20%.

8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

✚ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 và Điều 16 của Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

1. Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
2. Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

✚ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

1. Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
2. Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

1. Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1-2-3-4-5, số 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6299 2006 - Fax: (028) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn - Email: info@vdsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 - Fax: (84.24) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn - Email: aasc@aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, năm 2020 (riêng và hợp nhất) và BCTC quý III năm 2021 (riêng và hợp nhất);
- 4. Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ chức niêm yết.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HĐQT

GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ PHƯỢNG

NGUYỄN QUỐC DŨNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU QUANG TRUNG

BÙI THỊ ANH TUYẾT

TRẦN ĐÌNH VŨ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN